

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG



ISO 9001 : 2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN KIỂM TOÁN

Sinh viên : Phạm Thị Thùy Linh

Giảng viên hướng dẫn: ThS. Lương Khánh Chi

HẢI PHÒNG - 2012

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU,
CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VẠN
TÀI XI MĂNG HẢI PHÒNG**

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY

NGÀNH: KẾ TOÁN-KIỂM TOÁN

Sinh viên : Phạm Thị Thùy Linh

Giảng viên hướng dẫn: ThS. Lương Khánh Chi

HẢI PHÒNG - 2012

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Phạm Thị Thùy Linh

Mã SV: 120418

Lớp: QT1201K

Ngành: Kế toán - Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết

quả kinh doanh tại công ty cổ phần thương mại dịch vụ vận tải
xi măng Hải Phòng

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
 - Trình bày các cơ sở lý luận về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp sản xuất kinh doanh
 - Phân tích thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần thương mại dịch vụ và vận tải xi măng Hải Phòng.
 - Đưa ra các giải pháp nhằm hoàn thiện hơn công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại đơn vị nghiên cứu.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.
 - Các văn bản của Nhà Nước về chế độ kế toán liên quan đến công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.
 - Quy chế, quy định về kế toán – tài chính tại doanh nghiệp.
 - Hệ thống sổ kế toán liên quan đến công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần thương mại dịch vụ và vận tải xi măng Hải Phòng, sử dụng số liệu năm 2011

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.
 - Công ty Cổ phần thương mại dịch vụ và vận tải xi măng Hải Phòng
 - Địa chỉ: Số 290 – Đường Hà Nội - Quận Hồng Bàng – TP Hải Phòng

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Lương Khánh Chi

Học hàm, học vị: Thạc sỹ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần thương mại dịch vụ vận tải xi măng Hải Phòng

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 02 tháng 04 năm 2012

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 07 tháng 07 năm 2012

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Người hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2012

Hiệu trưởng

GS.TS.NGŨT *Trần Hữu Nghị*

LỜI MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong nền kinh tế thị trường, các doanh nghiệp muốn tồn tại và phát triển, nhất định phải có phương án kinh doanh đạt hiệu quả kinh tế. Để đạt được mục tiêu lợi nhuận: Đạt lợi nhuận cao và an toàn trong hoạt động sản xuất kinh doanh, công ty phải tiến hành đồng bộ các biện pháp quản lý, trong đó hạch toán kế toán là công cụ quan trọng, không thể thiếu để tiến hành quản lý các hoạt động kinh tế, kiểm tra việc sử dụng, quản lý tài sản, hàng hoá nhằm đảm bảo tính năng động, sáng tạo và tự chủ trong sản xuất kinh doanh, tính toán và xác định hiệu quả của từng hoạt động sản xuất kinh doanh làm cơ sở vạch ra chiến lược kinh doanh.

Sau thời gian tìm hiểu thực trạng hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như bộ máy quản lý của công ty cổ phần thương mại dịch vụ vận tải xi măng Hải Phòng, em nhận thấy kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty nói riêng là một bộ phận quan trọng trong việc quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, nên luôn luôn đòi hỏi phải được hoàn thiện. Vì vậy em đã chọn đề tài: **“Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần thương mại dịch vụ vận tải xi măng Hải Phòng”** cho khoá luận tốt nghiệp của mình.

2. Mục đích nghiên cứu

Nghiên cứu những nhận thức chung nhất về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Nắm rõ về tình hình thực tế về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần thương mại dịch vụ vận tải xi măng Hải Phòng.

Đưa ra những đề xuất kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

3. Phạm vi nghiên cứu

Nghiên cứu và hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả

kinh doanh tại Công ty cổ phần thương mại dịch vụ vận tải xi măng Hải Phòng.

4. Đối tượng nghiên cứu

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

5. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp chung của chủ nghĩa duy vật biện chứng: đi từ lí luận đến thực tiễn, lấy thực tế để kiểm tra lí luận.

Phương pháp cụ thể: phương pháp trình bày, diễn giải, so sánh, phân tích, quy nạp...

- Phương pháp thống kê: dựa trên những số liệu đã được thống kê để phân tích, so sánh, đối chiếu từ đó nêu lên những ưu điểm, nhược điểm trong công tác kinh doanh nhằm tìm ra nguyên nhân và biện pháp khắc phục cho Công ty nói chung và cho công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng.

6. Kết cấu

Ngoài phần mở đầu và kết luận, khóa luận tốt nghiệp với kết cấu gồm 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận cơ bản về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần thương mại dịch vụ vận tải Xi măng Hải phòng

Chương 3: Một số ý kiến hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần thương mại dịch vụ vận tải Xi măng Hải Phòng

Để hoàn thiện khóa luận tốt nghiệp em đã nhận được sự giúp đỡ vô cùng nhiệt tình và quý báu của Thạc sỹ **Lương Khánh Chi**. Bên cạnh đó, em cũng được sự giúp đỡ tận tình của các cô chú phòng kế toán Công ty Cổ phần thương mại dịch vụ vận tải Xi măng Hải phòng. Tuy nhiên, phạm vi đề tài rộng, thời gian thực tế chưa nhiều nên khó tránh khỏi những thiếu sót. Em kính mong nhận được sự chỉ bảo, giúp đỡ của các thầy cô giáo và các anh chị phòng kế toán công ty để khóa luận tốt nghiệp được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn !

CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG CÁC DOANH NGHIỆP

1.1 Những vấn đề chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

1.1.1. Sự cần thiết của tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp

Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm gia tăng vốn chủ sở hữu. Doanh thu là một khâu trong quá trình bán hàng, là giai đoạn cuối cùng của giai đoạn kinh doanh, có ý nghĩa rất quan trọng với doanh nghiệp thương mại, dịch vụ vì nó giúp doanh nghiệp thu hồi vốn để tiếp tục quá trình kinh doanh tiếp theo. Doanh thu cũng là nguồn để các doanh nghiệp có thể thực hiện nghĩa vụ với nhà nước như nộp các khoản thuế theo quy định, là nguồn để tham gia góp vốn cổ phần. Ý nghĩa quan trọng nhất của doanh thu được thể hiện thông qua quá trình tiêu thụ sản phẩm hàng hóa, dịch vụ.

Các doanh nghiệp cũng luôn quan tâm đến quản lý chi phí, vì nếu chi phí không hợp lý, không đúng với thực chất của nó thì đều gây ra những khó khăn trong quản lý và đều làm giảm lợi nhuận của doanh nghiệp. Vì vậy vấn đề quan trọng đặt ra cho các nhà quản lý là phải kiểm soát được chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Kết quả kinh doanh là khâu cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định được biểu hiện bằng số tiền lãi hay lỗ. Chính vì vậy công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đối với doanh nghiệp là 1 việc hết sức cần thiết, giúp người quản lý nắm bắt được tình hình hoạt động và đẩy mạnh việc kinh doanh có hiệu quả của doanh nghiệp.

1.1.2. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Để kế toán thực sự là công cụ quản lý sắc bén, hiệu quả, đáp ứng được yêu cầu quản lý, kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cần phải thực hiện các nhiệm vụ cơ bản sau:

Phản ánh, tính toán, ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác các khoản thu, các khoản giảm trừ doanh thu, các khoản chi phí như: chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, giá vốn hàng bán, các khoản thuế liên quan đến quá trình tiêu thụ và cuối mỗi kỳ phải xác định kết quả kinh doanh của hoạt động kinh doanh làm căn cứ để lập báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Phải theo dõi chi tiết, cụ thể tình hình thanh toán của từng đối tượng khách hàng để thu hồi kịp thời vốn kinh doanh.

Vận dụng hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ sách, báo cáo kế toán phù hợp để thu nhận, xử lý, hệ thống hoá và cung cấp thông tin về tình hình hiện có, biến động của hàng hoá, tình hình bán hàng, xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

Kiểm tra, giám sát tình hình quản lý hàng hoá còn trong kho, tình hình thực hiện kế hoạch bán hàng, xác định và phân phối kết quả.

Thực hiện tốt các yêu cầu trên sẽ đem lại hiệu quả thiết thực cho công tác tiêu thụ nói riêng và hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp nói chung, góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, mang lại lợi nhuận cho doanh nghiệp đồng thời cung cấp thông tin một cách kịp thời, đầy đủ cho đối tượng sử dụng thông tin.

1.1.3 Một số khái niệm cơ bản

1.1.3.1 Doanh thu

Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

Các loại doanh thu:

♦ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Doanh thu bán hàng: là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ hoạt động bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra và bán hàng hóa mua vào, bán bất động sản đầu tư góp phần làm tăng vốn

chủ sở hữu.

Doanh thu cung cấp dịch vụ: là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ hoạt động thực hiện công việc đã thỏa thuận theo hợp đồng trong một hoặc nhiều kỳ kế toán góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

♦ ***Doanh thu tiêu thụ nội bộ***

Doanh thu tiêu thụ nội bộ là những khoản thu do bán hàng và cung cấp dịch vụ trong nội bộ doanh nghiệp, đơn vị cấp trên với đơn vị cấp dưới...

♦ ***Doanh thu hoạt động tài chính***

Doanh thu về hoạt động tài chính bao gồm những khoản thu do hoạt động đầu tư tài chính hoặc kinh doanh về vốn mang lại như: tiền lãi, khoản lãi về chênh lệch tỷ giá hối đoái, thu nhập về các hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn, thu nhập về các hoạt động đầu tư khác vào công ty liên kết, công ty con, đầu tư vốn khác, các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác...

♦ ***Thu nhập khác***

Thu nhập khác là những khoản thu mà doanh nghiệp không dự tính trước được hoặc có dự tính đến nhưng ít có khả năng thực hiện, hoặc là những khoản không mang tính chất thường xuyên. Nội dung của thu nhập khác bao gồm:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ
- Chênh lệch lãi do đánh giá lại vật tư, hàng hoá, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn
- Thu nhập từ nghiệp vụ bán và thuê lại tài sản
- Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng
- Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xoá sổ
- Các khoản thuế được NSNN hoàn lại
- Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ
- Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, cá nhân tặng cho doanh nghiệp.

1.1.3.2 *Các khoản giảm trừ doanh thu*

★ **Chiết khấu thương mại:** là các khoản tiền doanh nghiệp đã giảm trừ hoặc

đã thanh toán cho người mua do người mua đã mua (sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ) với khối lượng lớn, theo thoả thuận CKTM đã ghi nhận trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc các cam kết mua, bán hàng.

★ **Hàng bán bị trả lại:** là giá trị số hàng đã coi là tiêu thụ (đã chuyển giao quyền sở hữu, đã thu tiền, được người mua chấp nhận trả tiền) nhưng bị người mua từ chối và trả lại do các nguyên nhân sau: vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất,

★ **Giảm giá hàng bán:** là khoản giảm trừ được doanh nghiệp (bên bán) chấp nhận một cách đặc biệt trên giá đã thoả thuận trên hoá đơn, vì lý do hàng kém phẩm chất, không đúng quy cách, không đúng thời hạn ghi trong hợp đồng.

★ **Thuế xuất nhập khẩu:** Thuế xuất nhập khẩu hay thuế xuất-nhập khẩu hoặc thuế quan là tên gọi chung để gọi hai loại thuế trong lĩnh vực thương mại quốc tế. Đó là thuế nhập khẩu và thuế xuất khẩu. Thuế nhập khẩu là thuế đánh vào hàng hóa nhập khẩu, còn thuế xuất khẩu là thuế đánh vào hàng hóa xuất khẩu.

★ **Thuế tiêu thụ đặc biệt:** là thuế đánh vào những mặt hàng hóa, dịch vụ mà không phục vụ thiết yếu cho đời sống người dân lao động.

★ **Thuế giá trị gia tăng của doanh nghiệp nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp:** là thuế tính trên giá trị tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất đến tiêu dùng. Thuế giá trị gia tăng của doanh nghiệp phải nộp theo phương pháp trực tiếp tương ứng với số doanh thu đã được xác định trong kỳ.

1.1.3.3 Chi phí

Chi phí của doanh nghiệp là toàn bộ các khoản chi phí cho hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động khác và các khoản thuế gián thu mà doanh nghiệp phải bỏ ra để thực hiện các hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định.

Chi phí của doanh nghiệp gồm có:

★ **Giá vốn hàng bán:** Là trị giá vốn của hàng hoá, lao vụ, dịch vụ đã tiêu thụ. Đối với hàng hoá, lao vụ, dịch vụ tiêu thụ, giá vốn hàng bán là giá thành sản phẩm hay chi phí sản xuất. Đối với hàng hoá tiêu thụ, giá vốn hàng bán bao gồm

trị giá mua của hàng đã tiêu thụ cộng với chi phí mua phân bổ chi phí cho hàng tiêu thụ.

★**Chi phí bán hàng:** là những chi phí chi ra trong quá trình tiêu thụ thành phẩm, hàng hoá, dịch vụ, gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản đóng gói, vận chuyển,...

★**Chi phí quản lý doanh nghiệp:** là các chi phí phục vụ cho quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...) : Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý doanh nghiệp, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, khoản lập dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài (Điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng,...)

★ **Chi phí hoạt động tài chính:** là các chi phí phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp như chi phí tiền lãi vay và những chi phí liên quan đến hoạt động cho các bên khác sử dụng tài sản sinh ra lợi nhuận, tiền bản quyền... Những chi phí này phát sinh dưới dạng tiền và các khoản tương đương tiền. Nội dung chi phí hoạt động tài chính bao gồm:

- Các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính.

- Chi phí cho vay và đi vay vốn

- Lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, dài hạn, giao dịch bán chứng khoán

- Khoản lỗ về chênh lệch tỷ giá ngoại tệ

- Các chi phí khác

★**Chi phí khác:** Là những khoản lỗ do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp gây ra, cũng có thể là những khoản chi phí bị bỏ sót từ những năm trước. Nội dung chi phí khác bao gồm:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý,

nhượng bán (nếu có)

- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế
- Bị phạt thuế, truy nộp thuế
- Các khoản chi phí do kế toán bị nhầm hoặc bỏ sót ghi sổ kế toán
- Các khoản chi phí khác
- ★ Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp là loại thuế trực thu, thu trên kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp.

Căn cứ tính thuế thu nhập doanh nghiệp là thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.

Thu nhập chịu thuế trong kỳ bao gồm thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ và thu nhập khác

$$\text{Thuế TNDN phải nộp} = \text{Thu nhập chịu thuế} \times \text{Thuế suất thuế TNDN}$$

1.1.3.4 Xác định kết quả kinh doanh

Kết quả kinh doanh là kết quả cuối cùng của doanh nghiệp đạt được trong một thời kỳ nhất định do các hoạt động sản xuất kinh doanh và do hoạt động khác mang lại được biểu hiện thông qua chỉ tiêu lãi hoặc lỗ. Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.

- Kết quả hoạt động tài chính là chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí tài chính.

- Kết quả hoạt động khác là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác.

1.2. Tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp

1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Việc xác định và ghi nhận doanh thu phải tuân thủ các quy định trong chuẩn

mục kế toán số 14 "Doanh thu và thu nhập khác" và các chuẩn mực khác có liên quan.

★ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;

- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;

- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

★ Thời điểm ghi nhận doanh thu theo các phương thức bán hàng:

- Tiêu thụ theo phương thức trực tiếp: Theo tiêu thức này, người bán giao hàng cho người mua tại kho, tại quầy hay tại phân xưởng sản xuất. Khi người mua đã nhận đủ hàng và ký vào hóa đơn thì hàng chính thức được coi là tiêu thụ, người bán có quyền ghi nhận doanh thu.

- Tiêu thụ theo phương thức gửi qua đại lý, chuyên hàng...: Theo tiêu thức này, doanh nghiệp chuyển hàng đi gửi cho các quầy hàng, cửa hàng... nhờ bán hộ. Số hàng chuyển đi này vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp. Chỉ khi nào được người mua chấp nhận thanh toán thì số hàng đó mới chính thức coi là tiêu thụ và doanh nghiệp có quyền ghi nhận doanh thu.

- Tiêu thụ theo phương thức trả chậm, trả góp: Theo tiêu thức này, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá trả một lần ngay từ đầu không bao gồm tiền lãi về trả chậm, trả góp.

★ Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn

điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

◆ **Chứng từ và tài khoản sử dụng**

+ Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Hóa đơn bán hàng
- Bảng thanh toán hàng đại lý, ký gửi
- Thẻ quầy hàng
- Các chứng từ liên quan: Chứng từ thanh toán, hợp đồng, phiếu nhập kho,...

+ Tài khoản kế toán sử dụng:

Đề hạch toán doanh thu bán hàng, kế toán sử dụng:

★ Tài khoản 511 "Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ"

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng thực tế của doanh nghiệp thực hiện trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh.

✓ *Bên nợ:*

- Số thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong kỳ kế toán;
- Số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp;
- Doanh thu bán hàng bị trả lại kết chuyển cuối kỳ;
- Khoản giảm giá hàng bán kết chuyển cuối kỳ;
- Khoản chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ;
- Kết chuyển doanh thu thuần vào Tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh".

✓ *Bên có:*

Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ. Tài khoản 511 có 5 tài khoản cấp hai như sau:

- TK 5111: Doanh thu bán hàng hóa
- TK 5112: Doanh thu bán các sản phẩm
- TK 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ
- TK 5114: Doanh thu trợ cấp, trợ giá
- TK 5117: Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư
- TK 5118: Doanh thu khác

★ *Tài khoản 512 "Doanh thu bán hàng nội bộ"*

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ trong nội bộ các doanh nghiệp. Doanh thu tiêu thụ nội bộ là số tiền thu được do bán hàng hóa, sản phẩm, cung cấp dịch vụ tiêu thụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty tính theo giá nội bộ.

✓ *Bên nợ:*

- Trị giá hàng bán bị trả lại, khoản giảm giá hàng bán đã chấp nhận trên khối lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán nội bộ kết chuyển cuối kỳ kế toán;

- Số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp theo của số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ nội bộ;

- Số thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp của số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ nội bộ;

- Kết chuyển doanh thu bán hàng nội bộ thuần vào Tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh"

✓ *Bên có:*

Tổng số doanh thu bán hàng nội bộ của đơn vị thực hiện trong kỳ kế toán.

Tài khoản 512 không có số dư cuối kỳ. Tài khoản 512 có 3 tài khoản cấp hai:

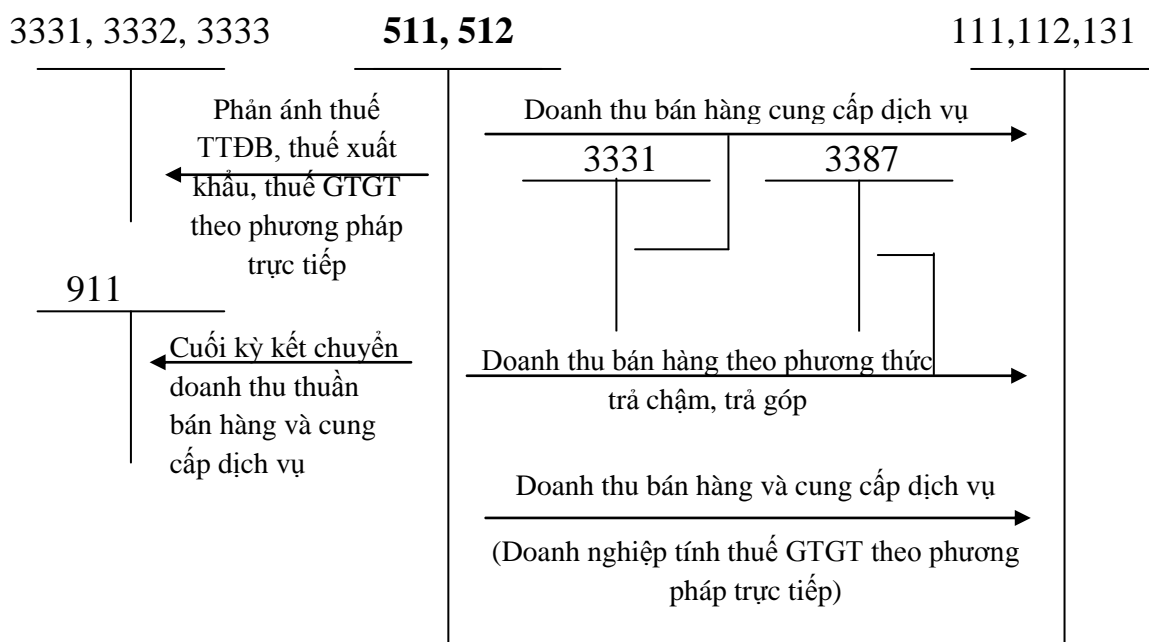
- TK 5121: Doanh thu bán hàng hóa

- TK 5122: Doanh thu bán các thành phẩm
- TK 5123: Doanh thu cung cấp dịch vụ

◆ **Phương pháp hạch toán**

Phương pháp hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được thể hiện qua sơ đồ 1.1

Sơ đồ 1.1: Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ



1.2.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu phản ánh tổng hợp các khoản được ghi giảm trừ vào tổng doanh thu trong năm, bao gồm: các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế giá trị gia tăng của doanh nghiệp nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp phải nộp tương ứng với số doanh thu được xác định trong kỳ báo cáo.

◆ **Chứng từ kế toán sử dụng:**

- Hóa đơn giá trị gia tăng (mẫu số 01- GTKT- 3LL)
- Phiếu chi (mẫu số 01- TT)
- Giấy báo nợ
- Các chứng từ khác có liên quan.

◆ **Tài khoản sử dụng**

- ★ Tài khoản 521 " Chiết khấu thương mại"

Tài khoản này dùng để phản ánh khoản chiết khấu thương mại mà doanh nghiệp đã giảm trừ, hoặc đã thanh toán cho người mua hàng do việc người mua hàng đã mua hàng với khối lượng lớn và theo thỏa thuận bên bán sẽ dành cho bên mua một khoản chiết khấu thương mại (Đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc các cam kết mua bán hàng hóa).

✓ *Bên nợ:*

Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng.

✓ *Bên có:*

Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại sang Tài khoản 511 "Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ" để xác định doanh thu thuần của kỳ báo cáo.

Tài khoản 521 không có số dư cuối kỳ.

★ Tài khoản 531 "Hàng bán bị trả lại"

Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại (Tính theo đúng đơn giá ghi trên hóa đơn).

✓ *Bên nợ:*

Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu khách hàng về số sản phẩm, hàng hóa đã bán.

✓ *Bên có:*

Kết chuyển doanh thu của hàng hóa bị trả lại vào bên nợ Tài khoản 511 "Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ", hoặc Tài khoản 512 "Doanh thu bán hàng nội bộ" để xác định doanh thu thuần trong kỳ báo cáo.

Tài khoản 531 không có số dư cuối kỳ.

★ Tài khoản 532 "Giảm giá hàng bán"

Tài khoản này dùng để phản ánh khoản giảm giá hàng bán thực tế phát sinh và việc xử lý khoản giảm giá hàng bán trong kỳ kế toán.

✓ *Bên nợ:*

Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng do hàng bán kém chất lượng, mất phẩm chất hoặc sai quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

✓ *Bên có:*

Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ số tiền giảm giá hàng bán sang Tài khoản 511 "Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ" hoặc Tài khoản 521 "Doanh thu bán hàng nội bộ".

Tài khoản 532 không có số dư cuối kỳ.

★ Các khoản thuế làm giảm trừ doanh thu

Bao gồm: + Thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp
+ Thuế tiêu thụ đặc biệt
+ Thuế xuất khẩu

* Thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp

Thuế GTGT là một loại thuế gián thu, được tính trên khoản giá trị tăng thêm của hàng hoá, dịch vụ phát sinh trong quá trình sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng.

Căn cứ tính thuế là giá tính thuế và thuế suất.

Thuế GTGT phải nộp được tính theo một trong hai phương pháp: Khấu trừ thuế hoặc tính trực tiếp trên GTGT. Khi doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp thì mới được ghi nhận đây là khoản giảm trừ doanh thu.

Theo phương pháp trực tiếp thì:

$$\text{Số thuế GTGT phải nộp} = \frac{\text{Giá trị gia tăng của hàng hoá, dịch vụ}}{\text{Thuế suất thuế GTGT(\%)}}$$

Trong đó: GTGT của hàng hóa dịch vụ bằng giá thanh toán của hàng hoá dịch vụ bán ra trừ giá thanh toán của hàng hoá, dịch vụ mua vào tương ứng.

TK sử dụng: TK 3331 – thuế giá trị gia tăng đầu ra phải nộp. TK này phản ánh số thuế GTGT đầu ra phải nộp.

* Thuế TTĐB

Thuế TTĐB được đánh vào doanh thu của các doanh nghiệp sản xuất một số mặt hàng đặc biệt mà nhà nước không khuyến khích sản xuất, cần hạn chế mức tiêu thụ vì không phục vụ thiết thực cho nhu cầu đời sống nhân dân như: Rượu, bia, thuốc lá, vàng mã, bài lá...

TK sử dụng: TK 3332 – thuế tiêu thụ đặc biệt: phản ánh số thuế tiêu thụ

đặc biệt phải nộp, đã nộp và còn phải nộp vào Ngân sách Nhà nước.

*** Thuế xuất khẩu**

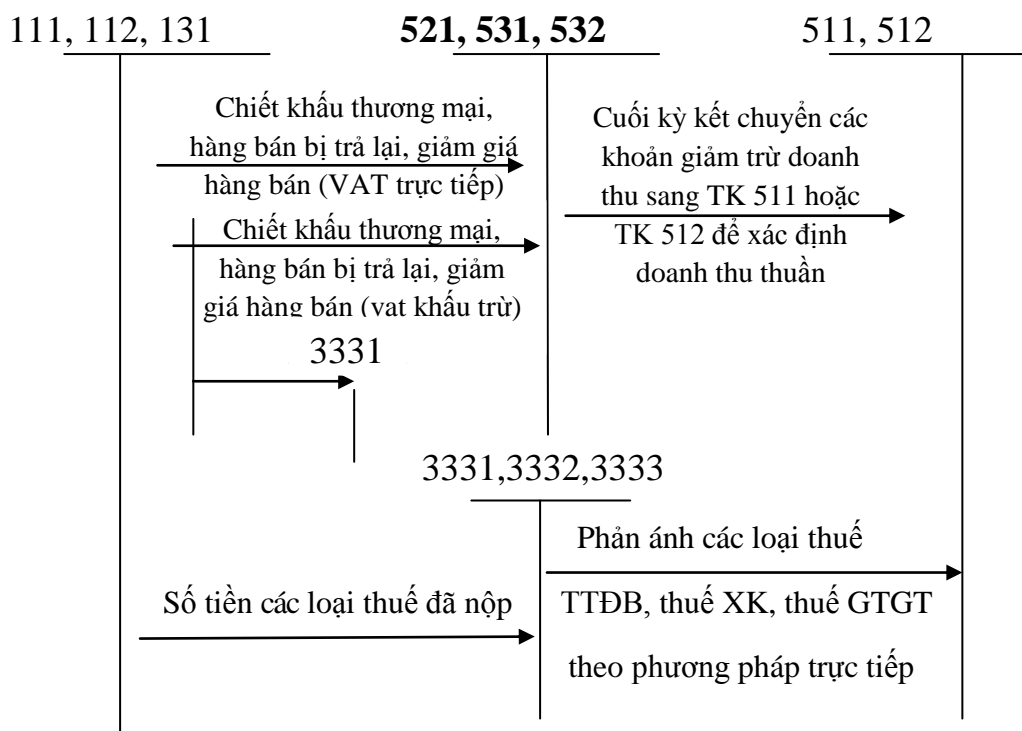
Là loại thuế mà doanh nghiệp phải nộp khi xuất khẩu sản phẩm, hàng hoá nằm trong danh mục chịu thuế xuất khẩu.

TK sử dụng: TK 3333 – thuế xuất nhập khẩu: phản ánh số thuế xuất khẩu, nhập khẩu phải nộp, đã nộp và còn phải nộp vào Ngân sách Nhà nước.

★ Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng bán được khái quát qua sơ đồ 1.2 sau

Sơ đồ 1.2: Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu



1.2.3 Kế toán giá vốn hàng bán

★ Cách xác định giá vốn hàng bán

Do chuẩn mực 02 - hàng tồn kho ban hành và công bố theo quyết định số 149/2001/QĐ - BTC, ngày 31/12/2001. Việc tính giá trị hàng tồn kho được áp dụng một trong những phương pháp sau:

- Phương pháp tính giá đích danh

Được áp dụng đối với doanh nghiệp có ít loại mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định và nhận diện được. Phương pháp này căn cứ vào số lượng xuất kho và đơn

giá nhập kho của lô hàng xuất kho để tính.

- Phương pháp bình quân gia quyền.

Giá trị của từng loại hàng tồn kho được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho tương tự đầu kỳ và giá trị từng loại hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trong kỳ. Giá trị trung bình có thể được tính theo thời kỳ hoặc vào mỗi khi nhập một lô hàng về phụ thuộc vào tình hình của doanh nghiệp.

- Phương pháp nhập trước - xuất trước.

Áp dụng dựa trên giả định là hàng tồn kho được mua trước hoặc sản xuất trước thì được xuất trước và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất gần thời điểm cuối kỳ. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ còn tồn kho.

- Phương pháp nhập sau - xuất trước

Áp dụng dựa trên giả định là hàng tồn kho được mua sau thì được xuất trước, và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng tồn kho được mua trước đó. Theo phương pháp này thì giá trị hàng tồn kho được tính theo giá của lô hàng nhập sau hoặc gần sau cùng, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ còn tồn kho.

Để tính được trị giá vốn thực tế hàng xuất kho để bán cần phải phân bổ chi phí mua cho hàng đã bán theo công thức:

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí} \\ \text{phân bổ} \\ \text{cho hàng} \\ \text{xuất kho} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Chi phí mua phân} \\ \text{bổ cho hàng tồn} \\ \text{đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí mua hàng} \\ \text{phát sinh trong kỳ} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Trị giá mua của} \\ \text{hàng tồn đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Trị giá mua của} \\ \text{hàng nhập trong} \\ \text{kỳ} \end{array}} \times \begin{array}{l} \text{Trị giá} \\ \text{mua của} \\ \text{hàng xuất} \\ \text{kho} \end{array}$$

Trên cơ sở trị giá mua thực tế của hàng xuất kho và chi phí mua hàng xuất kho đã tính được, kế toán tổng hợp lại để tính trị giá vốn thực tế của hàng xuất kho.

★ Chứng từ kế toán sử dụng:

- Phiếu nhập kho (mẫu 01- VT)
- Phiếu xuất kho (mẫu 02- VT)
- Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ (mẫu 03- VT)
- Các chứng từ khác có liên quan

★ Tài khoản sử dụng*Tài khoản 632 "Giá vốn hàng bán"*

Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán ra trong kỳ. Ngoài ra, tài khoản này còn dùng để phản ánh các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh như: chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, chi phí nhượng bán, thanh lý bất động sản đầu tư...

✓ Bên nợ:

- Giá vốn hàng đã bán
- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số đã lập năm trước chưa sử dụng hết).

✓ Bên có:

- Kết chuyển giá vốn của hàng đã gửi bán nhưng chưa được xác định là tiêu thụ
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước).
- Kết chuyển giá vốn của hàng hóa đã xuất bán vào bên Nợ tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh".

Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ.

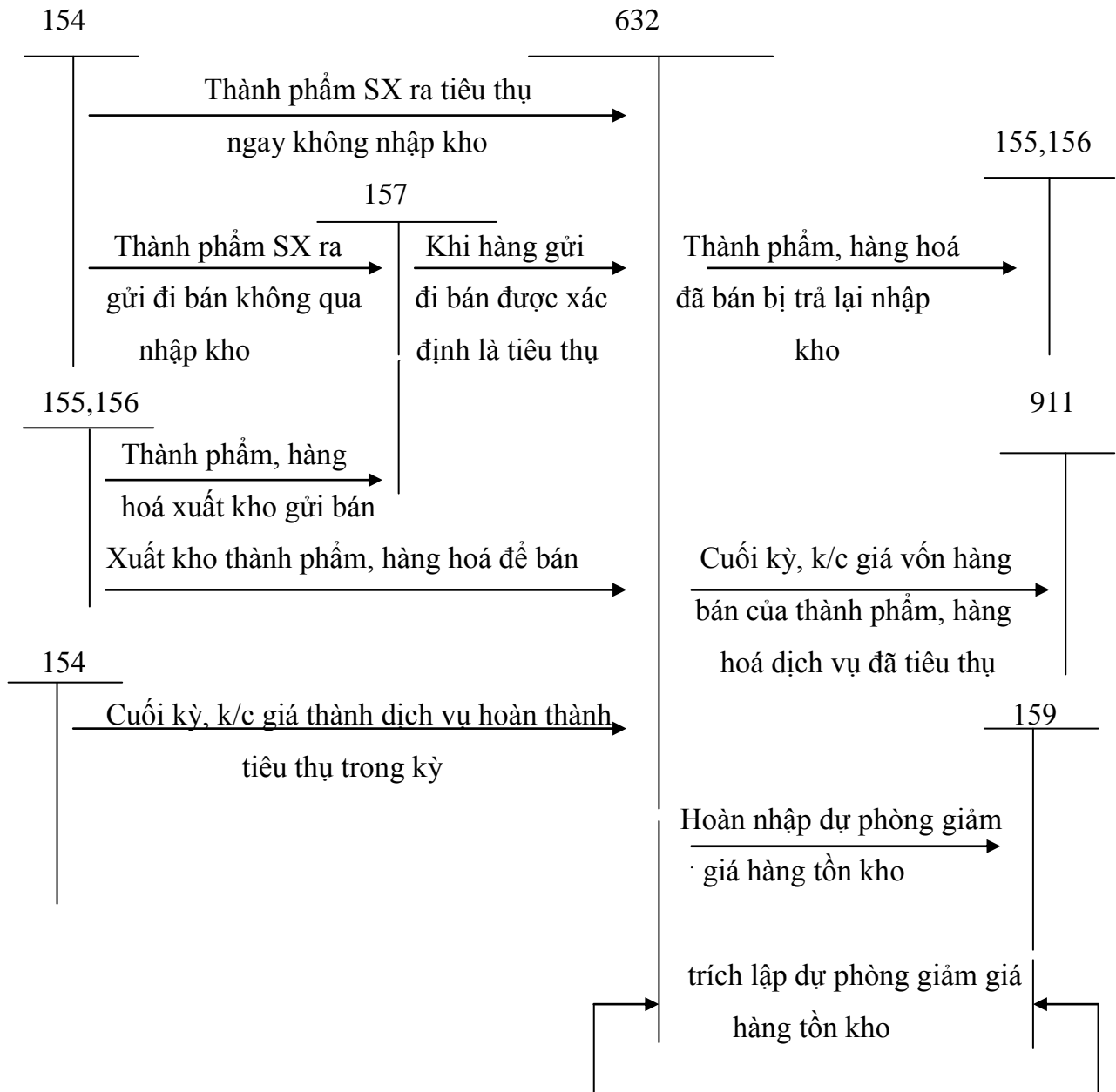
Ngoài ra, kế toán hàng tồn kho còn sử dụng các tài khoản khác liên quan như: TK 155, TK 156 và TK 611, TK 631 (đối với doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ).

★ Phương pháp hạch toán

* *Phương pháp kê khai thường xuyên* : Là phương pháp theo dõi và phản ánh một cách thường xuyên, liên tục tình hình nhập xuất, tồn kho vật liệu, hàng

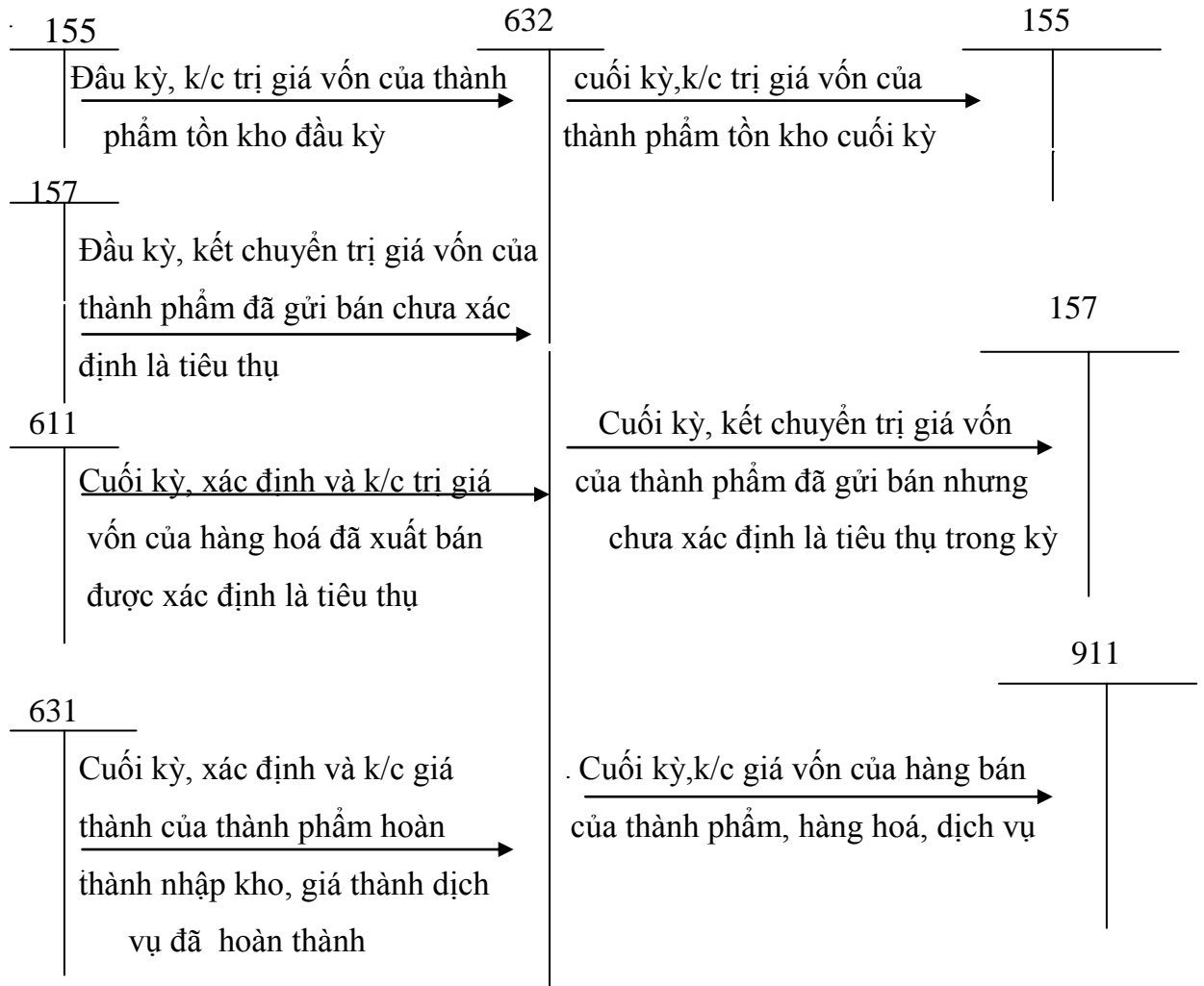
hóa trên các loại sổ sách kế toán sau mỗi lần phát sinh các nghiệp vụ mua (nhập) hoặc xuất dùng. Vì vậy giá trị vật tư, hàng tồn kho trên sổ kế toán có thể được xác định ở bất kỳ thời điểm nào trong kỳ kế toán.

Sơ đồ 1.3: Kế toán giá vốn hàng bán (Phương pháp kê khai thường xuyên)



* *Phương pháp kiểm kê định kỳ* : Là phương pháp kế toán căn cứ vào kết quả kiểm kê thực tế để phản ánh giá trị tồn kho cuối kỳ vật tư, hàng hoá trên sổ kế toán và từ đó xác định được giá trị của vật liệu, hàng hóa đã xuất trong kỳ. Trong kỳ kết toán chỉ theo dõi, tính toán và ghi chép về nghiệp vụ nhập vật liệu, còn trị giá vật liệu xuất chỉ được xác định một lần vào cuối kỳ khi có kết quả kiểm kê vật liệu hiện còn cuối kỳ.

Sơ đồ 1.4: Kế toán giá vốn hàng bán (Phương pháp kiểm kê định kỳ)



1.2.4 Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

1.2.4.1 Kế toán chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng là những khoản chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, lao vụ trong thời kỳ theo quy định của chế độ tài chính. Chi phí bán hàng bao gồm:

Chi phí nhân viên bán hàng: phản ánh toàn bộ các khoản phải trả cho nhân viên bán hàng, nhân viên đóng gói, bảo quản sản phẩm, hàng hóa, vận chuyển đi tiêu thụ bao gồm tiền lương, tiền ăn giữa ca, tiền công và các khoản trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn,...

Chi phí vật liệu, bao bì: phản ánh các khoản chi phí về vật liệu, bao bì để đóng gói, bảo quản sản phẩm, hàng hóa, vật liệu dùng sửa chữa TSCĐ dùng trong quá trình bán hàng, nhiên liệu cho vận chuyển sản phẩm, hàng hóa.

Chi phí dụng cụ, đồ dùng: phản ánh chi phí về công cụ, dụng cụ, đồ dùng đo lường, tính toán, làm việc ở khâu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Chi phí khấu hao TSCĐ: phản ánh chi phí khấu hao TSCĐ phục vụ cho quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ như nhà kho, cửa hàng, phương tiện vận chuyển, bốc dỡ.

Chi phí bảo hành sản phẩm: phản ánh các khoản chi phí bỏ ra để sửa chữa, bảo hành sản phẩm, hàng hóa trong thời gian bảo hành.

Chi phí dịch vụ mua ngoài: phản ánh các khoản chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ cho quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ như: Chi phí thuê tài sản, thuê kho, thuê bến bãi, thuê bốc dỡ vận chuyển, tiền hoa hồng đại lý ...

Chi phí bằng tiền khác: phản ánh các khoản chi phí bằng tiền phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ nằm ngoài các chi phí kể trên như: Chi phí tiếp khách, hội nghị khách hàng, chi phí quảng cáo giới thiệu sản phẩm, hàng hóa...

★ Chứng từ kế toán sử dụng

- Phiếu chi (mẫu số 01- TT)
- Giấy báo nợ..
- Bảng thanh toán tiền lương (mẫu số 02- LĐTL)
- Bảng tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định (mẫu số 06- TSCĐ)
- Các chứng từ khác có liên quan

★ Tài khoản sử dụng

Tài khoản 641 "Chi phí bán hàng"

Tài khoản này dùng để phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ của doanh nghiệp.

✓ *Bên nợ:*

Các chi phí phát sinh liên quan đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ

✓ *Bên có:*

Kết chuyển chi phí bán hàng vào TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.

Tài khoản 641 không có số dư cuối kỳ. Tài khoản 641 có 7 tài khoản cấp

hai như sau:

- TK 6411: Chi phí nhân viên
- TK 6412: Chi phí vật liệu, bao bì
- TK 6413: Chi phí dụng cụ, đồ dùng
- TK 6414: Chi phí khấu hao tài sản cố định
- TK 6415: Chi phí bảo hành
- TK 6417: Chi phí dịch vụ mua ngoài
- TK 6418: Các chi phí khác bằng tiền

1.2.4.2 Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung của toàn doanh nghiệp. Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm:

Chi phí nhân viên quản lý: phản ánh các khoản phải trả cho ban giám đốc, nhân viên quản lý các phòng ban của doanh nghiệp bao gồm tiền lương, các khoản phụ cấp và các khoản trích BHXH, BHYT, KPCĐ của Ban giám đốc, nhân viên quản lý ở các phòng ban của doanh nghiệp.

Chi phí vật liệu quản lý: phản ánh chi phí các loại vật liệu, nhiên liệu xuất dùng cho hoạt động quản lý của ban giám đốc và các phòng ban nghiệp vụ của doanh nghiệp, cho việc sửa chữa TSCĐ dùng chung của doanh nghiệp.

Chi phí đồ dùng văn phòng: phản ánh chi phí về dụng cụ, đồ dùng văn phòng dùng cho công tác quản lý chung của doanh nghiệp.

Chi phí khấu hao TSCĐ: phản ánh chi phí khấu hao của những TSCĐ dùng chung cho doanh nghiệp như văn phòng làm việc, kho tàng, vật kiến trúc, phương tiện truyền dẫn...

Thuế, phí và lệ phí: Các khoản thuế như thuế nhà đất, thuế môn bài và các khoản phí, lệ phí giao thông, cầu phà

Chi phí dự phòng: Khoản trích lập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả tính vào chi phí sản xuất kinh doanh.

Chi phí dịch vụ mua ngoài: Các khoản chi về dịch vụ mua ngoài phục vụ chung toàn doanh nghiệp như: tiền điện, nước, thuê sửa chữa TSCĐ, tiền mua và

sử dụng các tài liệu kỹ thuật, bằng phát minh sáng chế phân bổ dần (không đủ tiêu chuẩn TSCĐ), chi phí trả cho nhà thầu phụ.

Chi phí bằng tiền khác: Các khoản chi khác bằng tiền ngoài các khoản đã kể trên, như chi phí hội nghị, tiếp khách, chi công tác phí, chi phí đào tạo cán bộ và các khoản chi khác.

★ **Chứng từ kế toán sử dụng**

- Phiếu chi (mẫu số 01- TT)
- Giấy báo nợ
- Bảng thanh toán tiền lương (mẫu số 02- LĐTL)
- Bảng tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định (mẫu số 06- TSCĐ)
- Các chứng từ khác có liên quan

★ **Tài khoản sử dụng**

Tài khoản 642 "Chi phí quản lý doanh nghiệp"

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản chi phí quản lý chung của doanh nghiệp phát sinh trong một kỳ hạch toán.

✓ *Bên nợ:*

- Các chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ;
- Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả
- Dự phòng trợ cấp mất việc làm

✓ *Bên có:*

- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết);

- Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh.

Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ. Tài khoản 642 có 8 tài khoản cấp hai như sau:

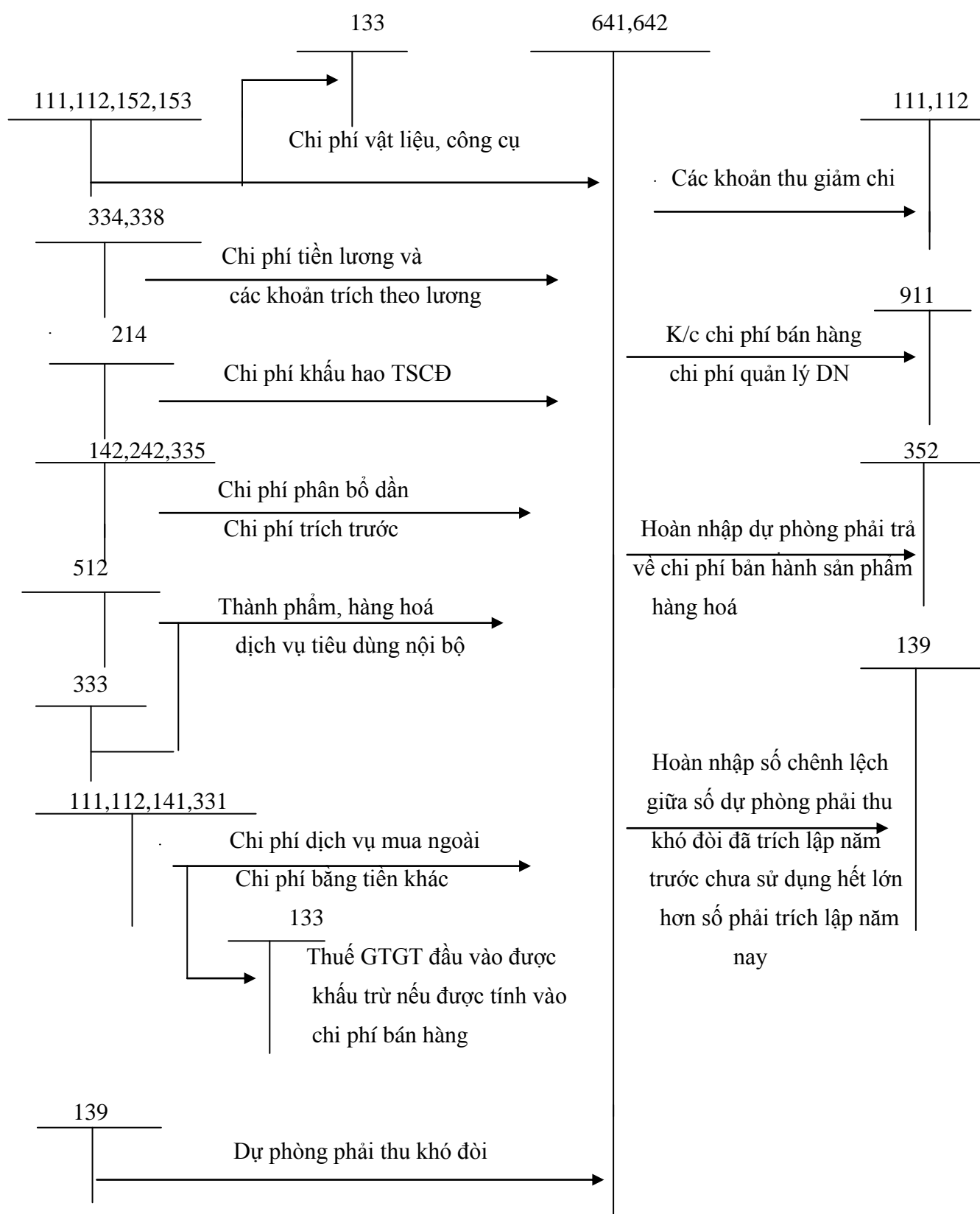
- Tk 6421: Chi phí nhân viên quản lý
- TK 6422: Chi phí vật liệu quản lý
- TK 6423: Chi phí đồ dùng văn phòng

- Tk 6424: Chi phí khấu hao tài sản cố định
- TK 6425: Thuế, phí và lệ phí
- TK 6426: Chi phí dự phòng
- TK 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài
- TK 6428: Chi phí khác bằng tiền

★ Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp được khái quát qua sơ đồ 1.5 như sau:

Sơ đồ 1.5: Kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp



1.2.5 Kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính

★*Chứng từ sử dụng*

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu thu, phiếu chi
- Giấy báo nợ, giấy báo có
- Các chứng từ khác có liên quan

★*Tài khoản sử dụng*

Tài khoản 515 "Doanh thu hoạt động tài chính"

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia, khoản lãi về chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh và doanh thu các hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

✓ *Bên nợ:*

- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có)
- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang Tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh"

✓ *Bên có:*

- Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia;
- Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết;
- Chiết khấu thanh toán được hưởng;
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh;
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh khi bán ngoại tệ;
- Lãi tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh;
- Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản (giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào hoạt động doanh thu tài chính;
- Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ.

Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ

Tài khoản 635 "Chi phí tài chính"

Tài khoản này dùng để phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính

✓ *Bên nợ:*

- Các khoản chi phí hoạt động tài chính
- Các khoản lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn
- Các khoản lỗ về chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh thực tế

✓ *Bên có:*

- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán
- Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính và các khoản lỗ phát sinh

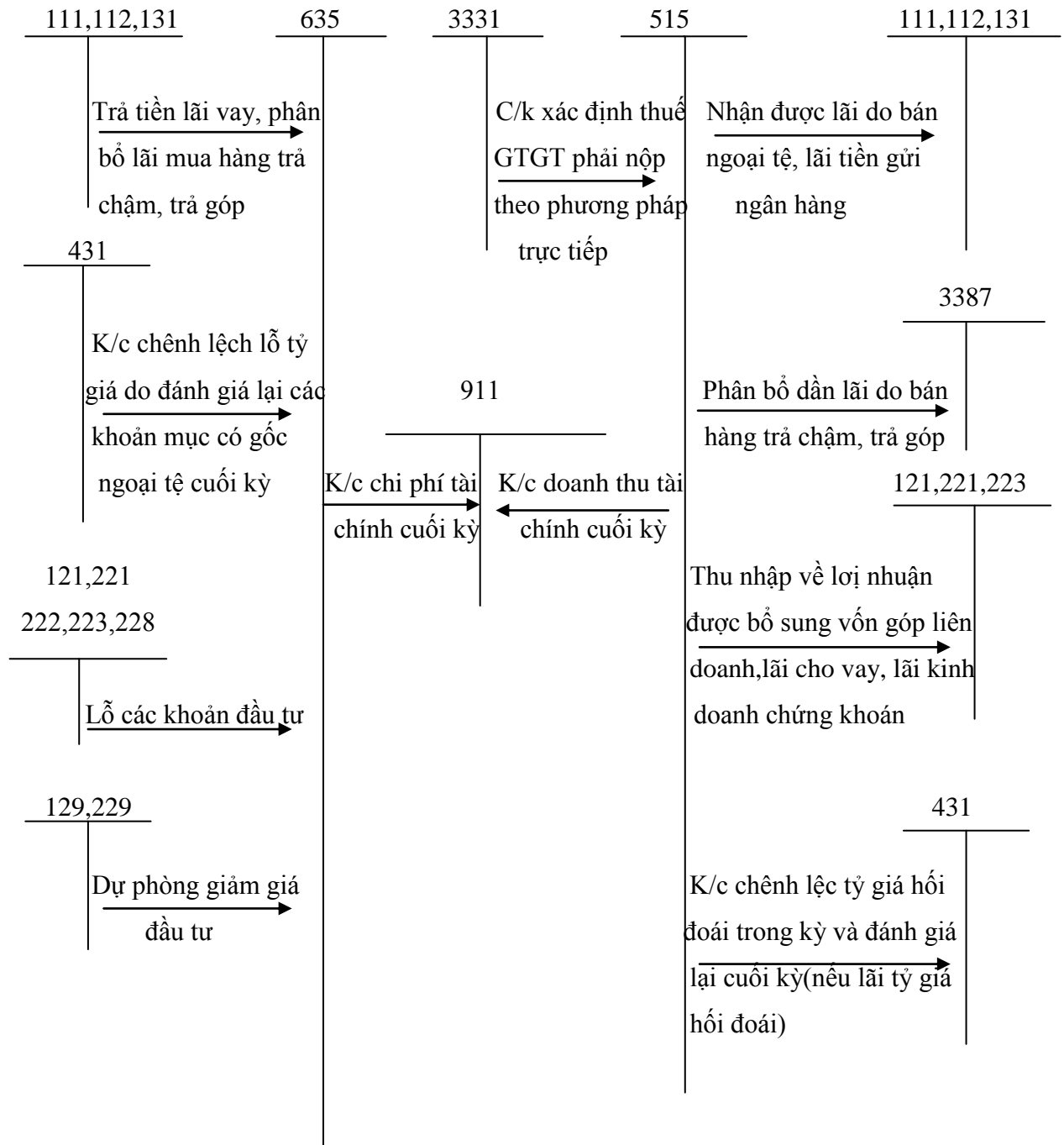
trong kỳ để xác định kết quả kinh doanh

Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ.

Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính được khái quát qua sơ đồ 1.6 sau:

Sơ đồ 1.6: Kế toán doanh thu hoạt động tài chính, chi phí hoạt động tài chính



1.2.6 Kế toán thu nhập khác và chi phí khác

★ Chứng từ sử dụng

- Phiếu thu, phiếu chi
- Biên bản bàn giao, thanh lý tài sản cố định
- Các chứng từ khác có liên quan

★ Tài khoản sử dụng

Tài khoản 711 "Thu nhập khác"

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp.

Nội dung thu nhập khác của doanh nghiệp bao gồm một số nội dung sau :

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ;
- Chênh lệch lãi do đánh giá lại vật tư, hàng hoá, tài sản cố định đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác;

- Thu nhập từ nghiệp vụ bán và thuê lại tài sản;
- Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng;
- Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xoá sổ;
- Các khoản thuế được NSNN hoàn lại;
- Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ;

Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hoá, sản phẩm, dịch vụ không tính trong doanh thu (Nếu có);

- Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, cá nhân tặng cho doanh nghiệp;

- Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên.

✓ Bên nợ:

- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp

- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang Tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh"

✓ Bên có:

Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ

Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ.

Tài khoản 811 "Chi phí khác"

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản chi phí của các hoạt động ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu của doanh nghiệp.

Chi phí khác của doanh nghiệp bao gồm một số nội dung như sau:

Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý và nhượng bán TSCĐ (Nếu có);

- Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hoá, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác;

- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế;

- Bị phạt thuế, truy nộp thuế;

- Các khoản chi phí khác.

✓ *Bên nợ:*

Các khoản chi phí khác phát sinh

✓ *Bên có:*

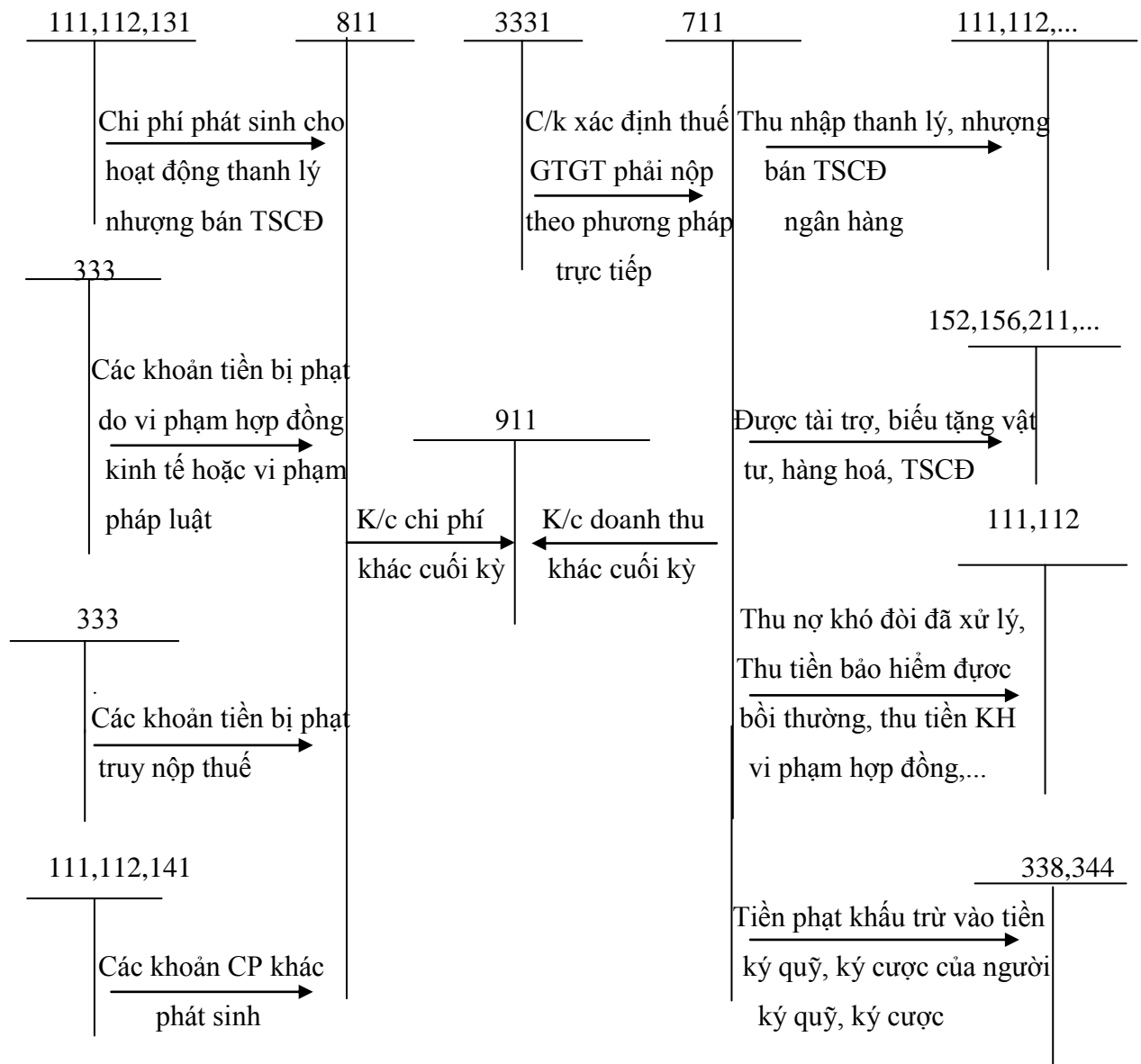
Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào Tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh"

Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ.

Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán thu nhập khác và chi phí khác được khái quát qua sơ đồ 1.7 như sau:

Sơ đồ 1.7: Kế toán thu nhập khác, chi phí khác



1.2.7. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**★ Chứng từ sử dụng****Phiếu kế toán****★ Tài khoản sử dụng**

Tài khoản 821: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

✓ Bên nợ:

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm;
- Thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi tăng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của năm hiện tại;
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm từ việc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả (Là số chênh lệch giữa thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm);
- Ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (Số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm);
- Kết chuyển chênh lệch giữa số phát sinh bên Có TK 8212 lớn hơn số phát sinh bên Nợ TK 8212 – “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại” phát sinh trong năm vào bên Có Tài khoản 911 – “Xác định kết quả kinh doanh”.

✓ Bên có:

- Số thuế thu nhập doanh nghiệp thực tế phải nộp trong năm nhỏ hơn số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm phải nộp được giảm trừ vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp đã ghi nhận trong năm;
- Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm hiện tại;
- Ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại và ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại (số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong

năm);

- Ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (số chênh lệch giữa thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm);

- Kết chuyển số chênh lệch giữa chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm lớn hơn khoản được ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm vào bên Nợ Tài khoản 911 – “Xác định kết quả kinh doanh”;

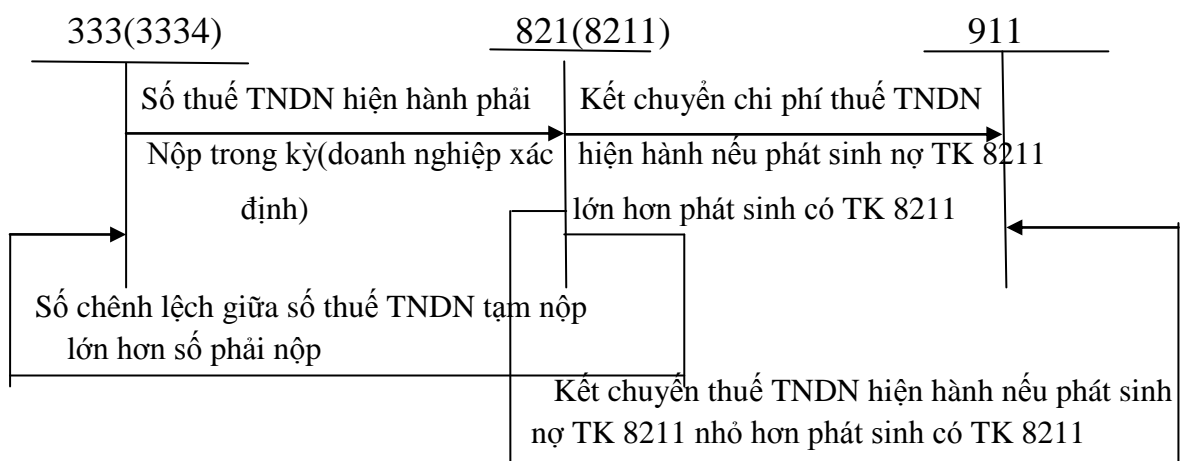
- Kết chuyển số chênh lệch giữa số phát sinh bên Nợ TK 8212 lớn hơn số phát sinh bên Có TK 8212 – “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại” phát sinh trong năm vào bên Nợ Tài khoản 911 – “Xác định kết quả kinh doanh”.

Tài khoản 821 không có số dư cuối kỳ. Tài khoản 821 có 2 tài khoản cấp hai như sau:

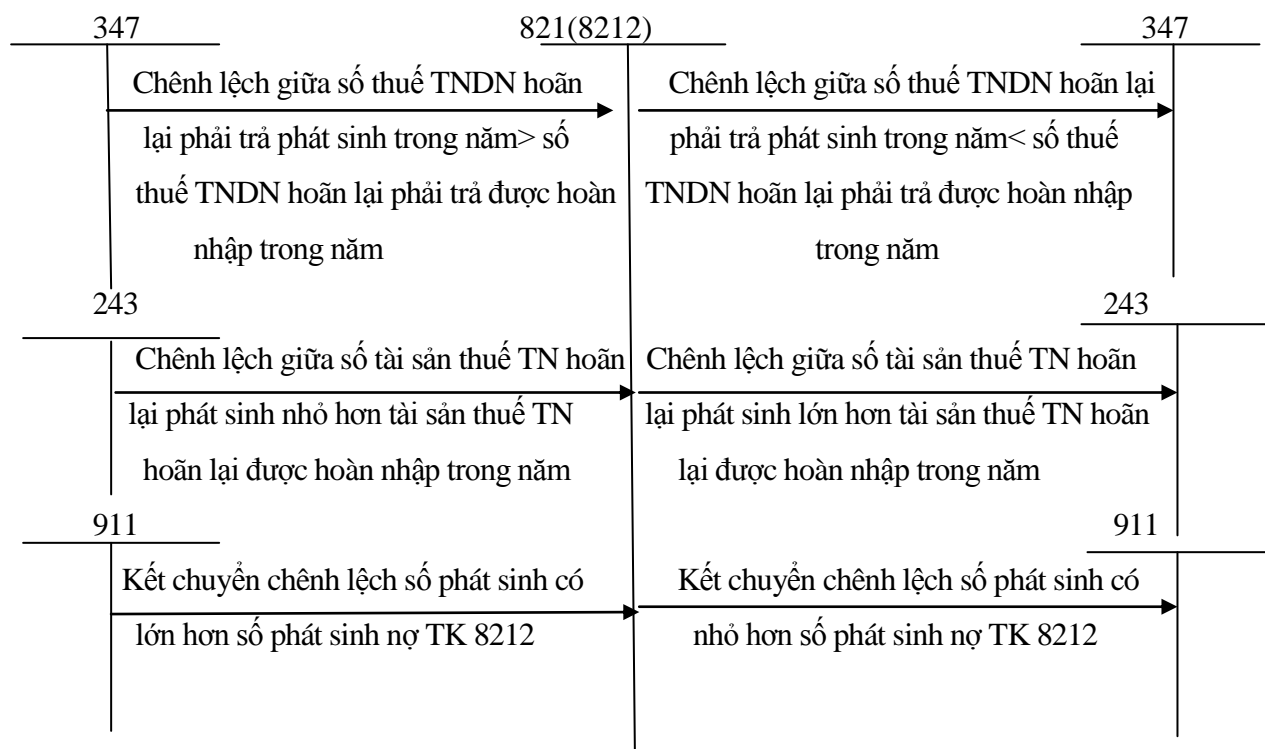
- Tài khoản 8211 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành;
- Tài khoản 8212 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 1.8: Kế toán chi phí thuế TNDN hiện hành



Sơ đồ 1.9: Kế toán chi phí thuế TNDN hoãn lại



1.2.8 Kế toán xác định kết quả kinh doanh

Kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp (lãi hoặc lỗ) được xác định trên cơ sở tổng hợp tất cả kết quả của mọi hoạt động SXKD trong doanh nghiệp. Kết quả hoạt động kinh doanh phải được hạch toán chi tiết theo từng loại hoạt động (hoạt động sản xuất, chế biến, hoạt động kinh doanh thương mại, dịch vụ, hoạt động tài chính...). Trong từng loại hoạt động kinh doanh có thể cần hạch toán chi tiết cho từng loại sản phẩm, từng ngành hàng, từng loại dịch vụ.

★ Chứng từ sử dụng

- Phiếu kế toán

★ Tài khoản sử dụng

Tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh"

✓ Bên nợ:

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán
- Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác
- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp
- Kết chuyển lãi

✓ *Bên có:*

- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ

- Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

- Kết chuyển lỗ

Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ.

Nguyên tắc hạch toán TK 911:

+ TK này phản ánh đầy đủ, chính xác kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của kì hạch toán theo đúng quy định của cơ chế quản lý tài chính.

+ Kết quả hoạt động kinh doanh phải được hạch toán chi tiết theo từng loại hoạt động.

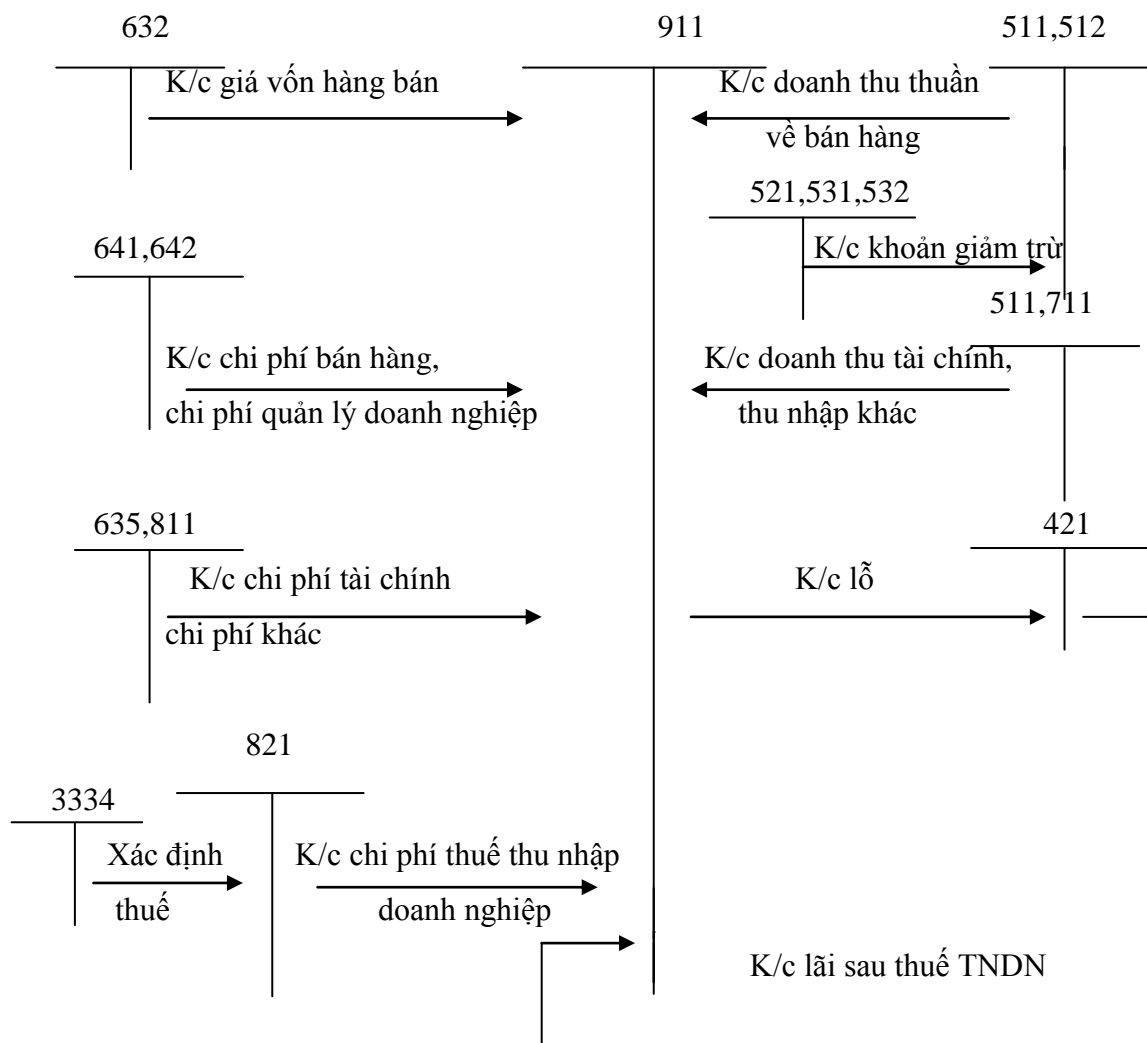
+ Trong từng loại hoạt động kinh doanh có thể cần hạch toán chi tiết cho từng loại sản phẩm, từng ngành hàng, từng loại, từng khâu, lao vụ, dịch vụ.

+ Các khoản doanh thu và thu nhập được kết chuyển vào TK này là số doanh thu thuần và thu nhập thuần.

★ Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán kế toán xác định kết quả kinh doanh được khái quát qua sơ đồ 1.10 như sau:

Sơ đồ 1.10: Kế toán xác định kết quả kinh doanh



1.3. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

Đối với công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh thì hệ thống sổ sách là rất quan trọng. Hệ thống sổ sách kế toán thường sử dụng gồm: Sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết.

- Sổ kế toán tổng hợp gồm: Sổ nhật ký-chứng từ, Sổ nhật ký chung, Sổ cái
- Sổ kế toán chi tiết gồm có: Sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa. Sổ chi tiết thanh toán với người mua, người bán. Sổ chi tiết bán hàng, sổ chi tiết các tài khoản khác...

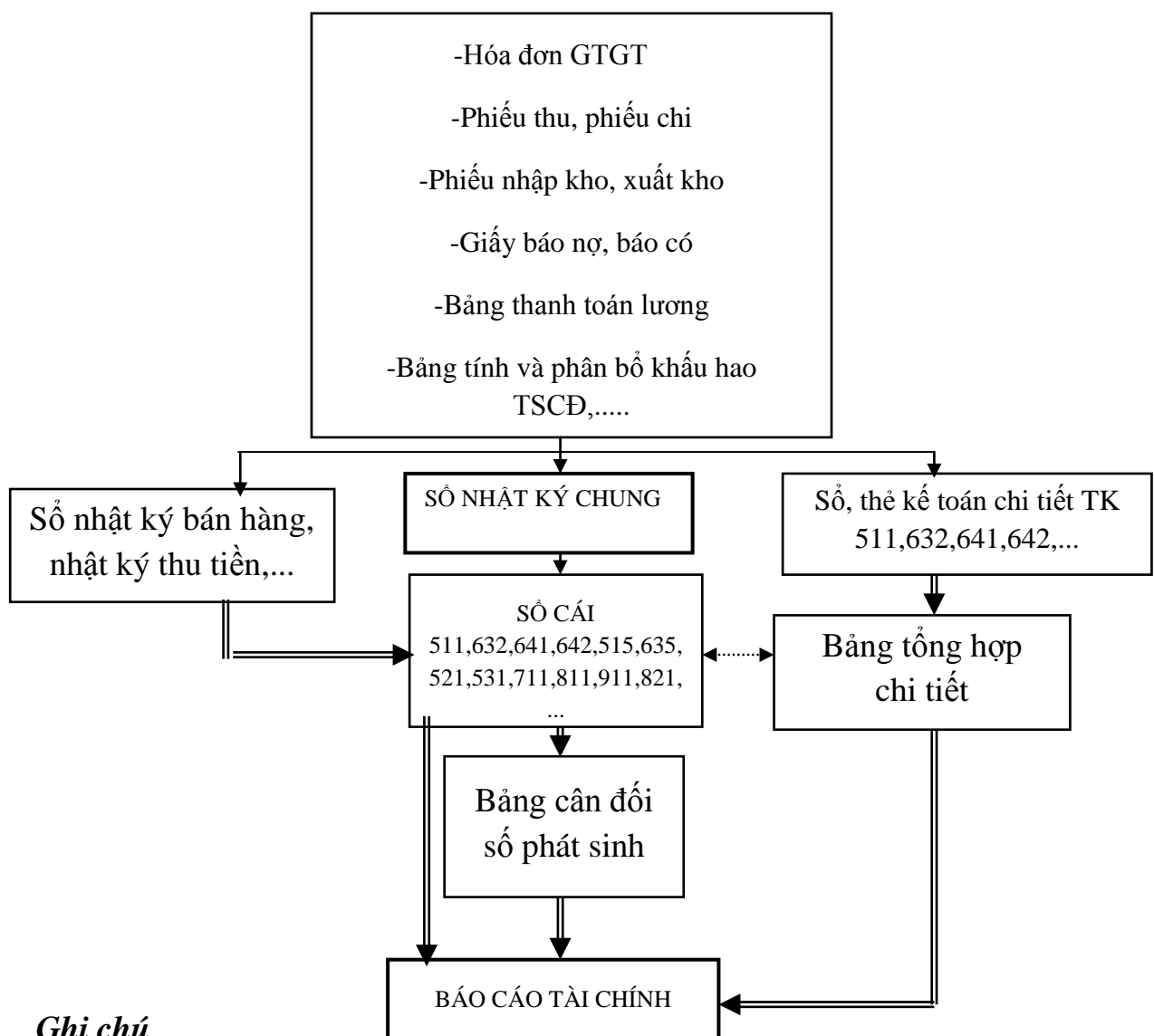
Tùy theo từng hình thức kế toán áp dụng ở doanh nghiệp mà trình tự ghi sổ và hệ thống sổ kế toán được mở để ghi chép, theo dõi, tính toán xử lý, tổng hợp số liệu lên các báo cáo tài chính khác nhau.

Các hình thức sổ kế toán bao gồm:

- Hình thức kế toán Nhật ký chung
- Hình thức kế toán Nhật ký – sổ cái
- Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ
- Hình thức kế toán Nhật ký chứng từ
- Hình thức kế toán trên máy vi tính

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung được mô tả như sau:

TRÌNH TỰ GHI SỔ KẾ TOÁN THEO HÌNH THỨC NHẬT KÝ CHUNG



Ghi chú

- Ghi hàng ngày
- Ghi cuối tháng
- Đối chiếu, kiểm tra

(1) Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái TK 511, 521, 531, 632, 641, 642, 515, 635, 711, 811, 911, 821, Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

Trường hợp đơn vị mở các sổ Nhật ký đặc biệt thì hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ được dùng làm căn cứ ghi sổ, ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký đặc biệt liên quan. Định kỳ (3, 5, 10... ngày) hoặc cuối tháng, tùy khối lượng nghiệp vụ phát sinh, tổng hợp từng sổ Nhật ký đặc biệt, lấy số liệu để ghi vào các tài khoản phù hợp trên Sổ Cái, sau khi đã loại trừ số trùng lặp do một nghiệp vụ được ghi đồng thời vào nhiều sổ Nhật ký đặc biệt (nếu có).

(2) Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ Cái, lập Bảng cân đối số phát sinh.

Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các Sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các Báo cáo tài chính.

Về nguyên tắc, Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên sổ Nhật ký chung (hoặc sổ Nhật ký chung và các sổ Nhật ký đặc biệt sau khi đã loại trừ số trùng lặp trên các sổ Nhật ký đặc biệt) cùng kỳ.

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VẬN TẢI XI MĂNG HẢI PHÒNG

2.1. Khái quát chung về công ty cổ phần thương mại dịch vụ vận tải xi măng Hải Phòng

2.1.1 Giới thiệu về công ty

Tên công ty : Công ty cổ phần thương mại dịch vụ và vận tải xi măng Hải Phòng

Tên tiếng Anh : Hai Phong Cement Transport and Trading Joint Stock Company

Tên viết tắt : HPCTT

Biểu tượng của công ty :



Giấy chứng nhận ĐKKD : Số 0203000727 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp ngày 22/06/2007

Trụ sở chính : Số 290 đường Hà Nội – Q.Hồng Bàng – TP.Hải Phòng

ĐT : (84-31) 3.525.154 – 3824016

Fax : (84-31) 3.540.417

Email : hpctt@yahoo.com.vn

Website : vtxmhp.com

Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Vận tải Xi măng Hải Phòng là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Xí nghiệp Vận tải và Sửa chữa Thủy thuộc Công ty Xi măng Hải Phòng theo Quyết định số 1753/QĐ-BXD ngày 29 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203000727 ngày 24 tháng 02 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp. Trong quá trình hoạt động Công ty đã 02 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi do tăng vốn điều lệ.

Cổ đông	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Cổ đông Nhà nước - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	10.860.400.000	53,86
Cổ đông là người trong và ngoài doanh nghiệp	9.303.450.000	46,14
Cộng	20.163.850.000	100

Lịch sử hình thành

Công ty cổ phần Thương mại - Dịch vụ - Vận tải Xi măng Hải Phòng tiền thân là phân xưởng Cơ Giới, phân xưởng Sửa chữa sà lan, Đoàn vận tải thủy của Nhà máy xi măng Hải Phòng và Liên đội vận tải thủy, bộ thuộc Công ty cung ứng vật tư thiết bị số 3 - Bộ Xây dựng, lịch sử phát triển của Công ty gắn liền với sự phát triển của Nhà máy xi măng Hải Phòng.

Giai đoạn từ 10/9/1899 đến 6/1955

Ngày 10/9/1899 Công ty Xi măng Poóclan nhân tạo Đông Dương được thành lập cũng chính là ngày ra đời của Nhà máy xi măng Hải Phòng và của Đoàn vận tải thủy, Đoàn vận tải bộ. Công ty Xi măng Poóclan nhân tạo Đông Dương độc quyền khai thác nguyên liệu tại khu núi đá vôi Tràng Kênh nằm ở vùng hữu ngạn sông Đá Bạc cách Hải Phòng 17km theo đường chim bay và khai thác đất sét tại bãi sông cửa Cấm, toàn bộ khối lượng khai thác được đoàn vận tải thủy vận chuyển về Nhà máy là nguyên liệu chính để sản xuất xi măng.

Giai đoạn từ ngày 6/11/1955 đến ngày 10/3/1997

Hoà bình được lập lại trên miền Bắc, Nhà máy Xi măng Hải Phòng phát động nhiều phong trào thi đua như phong trào thi đua “ Ba nhất “ , phong trào thi đua “ Bốn ngọn cờ hồng “ với khẩu hiệu hành động “ Hãy sản xuất nhiều xi măng cho Tổ quốc “, trong cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ ra miền Bắc, Nhà máy xi măng Hải Phòng nhanh chóng chuyển mọi hoạt động từ thời bình sang thời chiến đảm bảo duy trì và đã sản xuất nhiều chủng loại xi măng để xây dựng các công trình quan trọng như công trình Lãng Bác, Bảo tàng Hồ Chí Minh, nhà máy xi măng Bim Sơn, nhà máy Kính đáp cầu, nhà máy thủy điện Hoà Bình, cầu Thăng Long... Cán bộ công nhân viên đơn vị vận tải luôn hoàn thành nhiệm vụ tiếp nhận vận chuyển hàng triệu tấn sản phẩm đầu ra để đảm bảo

cho sản xuất được thường xuyên liên tục , ngoài ra đơn vị còn tiếp nhận và vận chuyển hàng triệu tấn hàng hoá thiết bị từ cảng Hải Phòng đến chân các công trình xây dựng nhà máy xi măng Bỉm Sơn Thanh Hoá, nhà máy Kính Đáp Cầu, nhà máy bê tông Đạo Tú, bê tông Xuân Mai, Cung văn hoá Lao động Hữu nghị Việt Tiệp, nhà máy xi măng Bút Sơn, tham gia chiến dịch giải toả cảng Hải Phòng đưa hàng đến các tỉnh phía Bắc.

Sau giải phóng miền Nam theo sự chỉ đạo của Chính phủ, đơn vị đã tập trung toàn lực để cùng các ngành đường sông, đường biển vận chuyển tiêu thụ hàng chục triệu tấn xi măng cho các tỉnh phía nam để bình ổn giá cả thị trường và xây dựng đất nước.

Giai đoạn từ ngày 1/4/1997 đến ngày 28/2/2004

Theo định hướng phát triển của ngành xi măng và từng bước chuẩn bị các điều kiện cơ sở vật chất, trình độ chuyên môn cho các đơn vị thành viên trong Tổng công ty xi măng Việt Nam không ngừng trưởng thành về mọi mặt để cạnh tranh thắng lợi trên thương trường với các doanh nghiệp trong và ngoài ngành. Chủ tịch HĐQT Tổng công ty xi măng Việt Nam đã ký quyết định số 110/XMVN - HĐQT ngày 1/4/1997 trên cơ sở sáp nhập 4 đơn vị là đoàn vận tải thuỷ, đoàn vận tải tiêu thụ sản phẩm, phân xưởng cơ giới, phân xưởng sửa chữa thuỷ thành xí nghiệp Vận tải và Sửa chữa thuỷ trực thuộc công ty Xi măng Hải Phòng.

Sau 7 năm hoạt động theo mô hình xí nghiệp trực thuộc công ty xi măng Hải Phòng, tập thể CBCNV của đơn vị từng bước trưởng thành về mọi mặt quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh, với đội ngũ 420 CBCNV có trình độ chuyên môn nghiệp vụ từ công nhân kỹ thuật, trung cấp, kỹ sư đến thạc sỹ, quản lý trên 8.520 tấn phương tiện thuỷ, 420 tấn phương tiện bộ, Xí nghiệp đã hoàn thành nhiệm vụ vận chuyển các nguyên liệu đầu vào phục vụ cho sản xuất xi măng và vận chuyển xi măng đến các công trình xây dựng, sản lượng vận chuyển thuỷ bộ đạt trên 1,2 triệu tấn/ năm, thực hiện tốt công tác bảo dưỡng sửa chữa phương tiện thuỷ bộ, đảm bảo việc làm đời sống cho người lao động ngày càng được cải thiện...

Giai đoạn từ 1/3/2004 đến 30/6/2007

Thực hiện chủ trương chính sách lớn của Đảng và Nhà nước về việc cổ phần hoá các doanh nghiệp Nhà nước trong xu thế nền kinh tế nước ta đang hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế khu vực và thế giới, các doanh nghiệp quốc doanh quản lý theo cơ chế quan liêu bao cấp không còn phù hợp, đòi hỏi các doanh nghiệp nhà nước phải chuyển đổi mạnh mẽ để tồn tại và phát triển. Theo lộ trình cổ phần hoá của Tổng công ty xi măng Việt Nam, công ty xi măng Hải Phòng đã lập phương án cổ phần hoá từng bộ phận của công ty trước mắt cổ phần hoá Xí nghiệp vận tải và sửa chữa thuỷ . Phương án cổ phần hoá đã được Tổng công ty xi măng Việt Nam và Bộ Xây dựng chấp nhận. Bộ trưởng Bộ Xây dựng đã ra quyết định số 1753/ QĐ - BXD ngày 29/12/2003 về việc: Chuyển Xí nghiệp Vận tải và sửa chữa thuỷ là đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty xi măng Hải Phòng thành Công ty cổ phần thương mại dịch vụ vận tải xi măng Hải Phòng và chính thức đi vào hoạt động từ ngày 1/3/2004.

2.1.2 Ngành nghề kinh doanh của công ty

Công ty CP thương mại dịch vụ vận tải xi măng Hải Phòng hoạt động với các ngành nghề kinh doanh sau:

- Vận chuyển bằng phương tiện vận tải thủy bộ.
- Sửa chữa phương tiện vận tải
- Kinh doanh xi măng , xăng dầu , vật tư, vật liệu xây dựng.
- Kinh doanh kho bến bãi.
- Dịch vụ xây dựng, san lấp mặt bằng.
- Cung ứng vật tư đầu vào(than, phụ gia...) cho ngành xi măng.
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày, khách sạn, nhà nghỉ , nhà khách.
- Khai thác cát, đá, sỏi, đất sét.
- Cho thuê máy móc thiết bị xây dựng, và các đồ dùng hữu hình khác.
 - Đại lý và điều hành các tua du lịch.

2.1.3 Điều kiện cơ sở vật chất kỹ thuật, lao động

★ Điều kiện cơ sở vật chất kỹ thuật

- Bến Quỳnh cư: với diện tích 4.000 m² và 100 m kè hiện đang cho thuê

bốc xếp hàng hoá.

- Mặt bằng số 290 Sở dầu- Hồng Bàng- HP, diện tích 9.200 m² làm trụ sở chính của Công ty và bãi đỗ xe, nhà để xe kinh doanh.

- Mặt bằng khu vực triển đả 62.000m² làm kho, xưởng sửa chữa phương tiện.

- Phương tiện vận tải thuỷ: 02 tàu tự hành 680T và 580T mới đầu tư năm 2007, 8 đầu kéo và 11 sà lan tổng cộng 2.500 tấn phương tiện

- Phương tiện vận tải bộ: 14 xe vận tải bằng 110 tấn phương tiện

- Máy gặt 01 chiếc, cần cầu: 01 chiếc

- Xe ca loại 34 và 45 chỗ ngồi để vận chuyển CBCN: 14 chiếc

- Pongtong bốc xếp: 02 chiếc, dung tích gầu ngoạm 0,8m³ và 1,2m³.

★ Nguồn nhân lực

Hiện tại Công ty có 151 cán bộ công nhân viên

- Thạc sỹ quản trị kinh doanh, Kinh tế vận tải biển: 02 người =1,3%

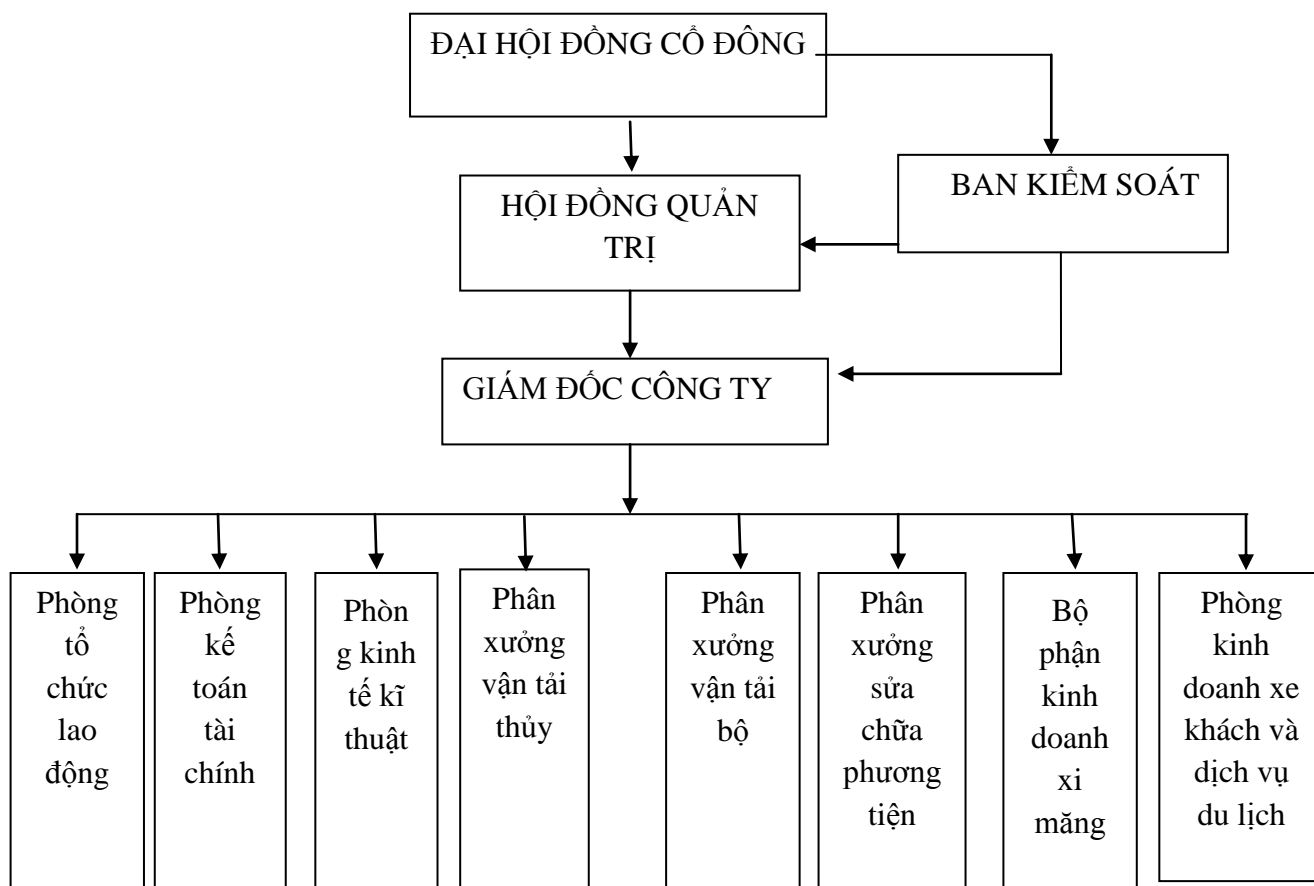
- Trình độ đại học: 17 người = 11,25 %

- Trình độ trung cấp: 03 người = 2 %

- Công nhân kỹ thuật, thợ lành nghề: 129 người = 85,45 %

2.1.4 Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của công ty

Sơ đồ 2.1: Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của công ty



◆ Chức năng nhiệm vụ của từng bộ phận:

- **Đại hội đồng cổ đông:** Gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyền lực cao nhất của công ty, quyết định những vấn đề được luật pháp và điều lệ công ty quy định. Đặc biệt các cổ đông sẽ thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của công ty và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo. Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu ra Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát công ty.

- **Hội đồng quản trị :** Là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. HĐQT có trách nhiệm giám sát Giám đốc và những người quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do luật pháp và điều lệ công ty, các quy chế nội bộ của công ty và nghị quyết ĐHĐCĐ quy định. Hiện tại HĐQT công ty Cổ phần Thueoeng mại Dịch vụ Vận tải Xi măng Hải Phòng có 05 thành viên.

- **Ban kiểm soát:** Là cơ quan trực thuộc ĐHĐCĐ, do ĐHĐCĐ bầu ra. Ban

Kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính của công ty. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban giám đốc.

- **Ban giám đốc:** Ban giám đốc của công ty gồm có Giám đốc và 01 Phó giám đốc điều hành. Giám đốc là người điều hành hoạt động hàng ngày của công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Phó giám đốc là người giúp việc cho Giám đốc và chịu trách nhiệm trước Giám đốc về phần việc được phân công, chủ động giải quyết những công việc đã được Giám đốc ủy quyền và phân công theo đúng chế độ chính sách của Nhà nước và điều lệ của công ty.

- **Các phòng ban chức năng:**

- Phòng Tổ chức lao động: Có chức năng hỗ trợ Giám đốc trong việc quản lý nhân sự, hành chính, thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước và của Công ty đề ra.

- Phòng Kế toán - Tài chính: Có nhiệm vụ tổ chức, hướng dẫn, kiểm tra, kiểm soát tình hình thực hiện công tác Tài chính, Kế toán trong toàn Công ty.

- Phòng Kinh tế kỹ thuật: Có chức năng xây dựng các kế hoạch, chiến lược, thảo luận các hợp đồng kinh tế cùng phòng kế toán tài chính theo dõi tình hình thu hồi công nợ, lập hồ sơ sửa chữa lớn nhỏ các phương tiện vận chuyển sau đó giao cho phòng kế toán hạch toán .

- Phân xưởng Vận tải thủy: Thực hiện vận chuyển hàng hoá bằng đường sông, biển cho khách hàng theo các hợp đồng vận chuyển liên phòng đã ký.

- Phân xưởng Vận tải bộ: Thực hiện vận chuyển hàng hoá bằng đường bộ cho khách hàng theo khối lượng trên hợp đồng.

- Phân xưởng Sửa chữa phương tiện: chuyên sửa chữa các phương tiện thủy, bộ, dịch vụ rửa xe, thay dầu...

- Phòng kinh doanh xe khách và kinh doanh du lịch: chuyên phục vụ đưa đón CBCNV nhà máy XMHP theo tuyến HP – Tràng Kênh, Minh Đức, Thủy Nguyên. Và kinh doanh vận chuyển khách du lịch theo hợp đồng.

- Bộ phận Kinh doanh xi măng: có chức năng tổ chức kinh doanh từ khâu

tìm kiếm đầu vào, đầu ra cho đến xây dựng các kế hoạch, chiến lược kinh doanh nhằm phát triển thị trường của Công ty.

2.1.5. Vị thế của công ty

Hiện tại, Công ty Cổ phần Thương mại dịch vụ vận tải xi măng Hải Phòng là đơn vị chủ yếu cung ứng dịch vụ vận tải cho Công ty Xi măng Hải Phòng, do vậy Công ty chưa có sự cạnh tranh lớn về mặt hàng. Tuy nhiên, do duy trì được mối quan hệ tốt đẹp với Công ty xi măng Hải Phòng và có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực vận chuyển, cung ứng nguyên vật liệu sản xuất xi măng nên được Công ty Xi măng Hải Phòng tín nhiệm.

a) Chiến lược phát triển đầu tư

Với mục tiêu đa dạng hóa ngành nghề kinh doanh, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và tận dụng tối đa các nguồn lực hiện có của Công ty, trong giai đoạn tới, Công ty sẽ tập trung đầu tư và phát triển các hoạt động sau:

- Tích cực huy động mọi nguồn lực, đầu tư phát triển phương tiện vận tải, trong giai đoạn từ năm 2008 đến 2010 Công ty có 10.000 tấn phương tiện vận tải đường sông và đầu tư mới mua tàu biển chở hàng loại từ 5.000 đến 7.000 tấn để chủ động trong việc tham gia cung ứng than, vận chuyển xi măng, clinke Bắc – Nam cho nhu cầu của ngành xi măng cũng nh- các nhu cầu khác của Xã hội.

- Mục tiêu kinh doanh của công ty là bám sát chiến lược phát triển của ngành xi măng và Tổng công ty công nghiệp XMVN, Đầu tư đổi mới công nghệ nâng cao năng lực sản xuất, phát triển lĩnh vực thương mại và dịch vụ, mở rộng địa bàn hoạt động với các sản phẩm dịch vụ mới.

- Theo đuổi mục tiêu xây dựng thương hiệu HCT có uy tín đối với các nhà đầu tư, mục tiêu xây dựng các tiêu chuẩn trong hoạt động của công ty đáp ứng các quy định theo ISO9001. ứng dụng những thành tựu của Internet trong quản lý để giảm chi phí kinh doanh, tối đa hóa lợi nhuận từ kinh doanh, hài hòa lợi ích của Nhà đầu tư và CBCNV của công ty.

b) Các dự án lớn

- Tiếp tục đầu tư từ 1 đến 3 tàu tự hành trọng tải 600 đến 700 tấn nhằm thay thế đoàn sà lan đã xuống cấp không đảm bảo an toàn khai thác.

-Đầu tư và đưa vào khai thác nhà hàng VicemHCT.

-Đầu tư thêm 02 xe tải để đáp ứng yêu cầu vận chuyển xi măng bán lẻ và vận chuyển nội bộ cho XMHP.

c) Triển vọng của công ty(thuận lợi)

Công ty nhận được sự quan tâm giúp đỡ về mọi mặt của Tổng công ty công nghiệp xi măng Việt nam, Công ty xi măng hải Phòng và các đơn vị thành viên trong Tổng công ty.

d) Rủi ro trong kinh doanh

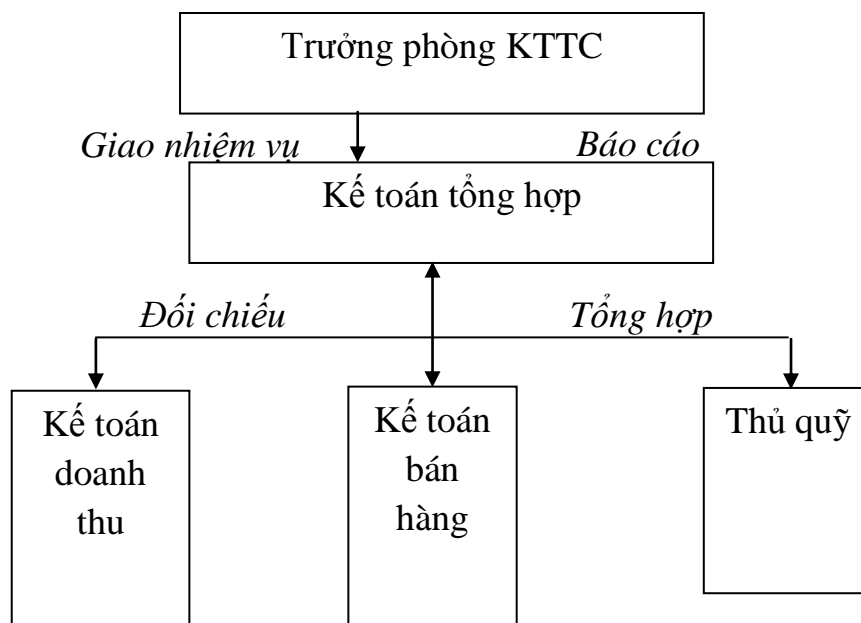
-Sự biến động của giá xăng dầu có thể gây ảnh hưởng lớn đến chi phí cũng như lợi nhuận của doanh nghiệp.

-Công ty hiện đang vận chuyển hàng hóa bằng đường thủy thông qua đội sà lan. Việc vận chuyển hàng hóa trên đường thủy khiến công ty phải đối mặt với một số rủi ro đặc thù riêng biệt của việc vận tải đường thủy.

2.1.6. Cơ cấu tổ chức kế toán tại công ty

2.1.6.1. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán của công ty

Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán của công ty



Kế toán trưởng:

- Chịu trách nhiệm về mọi mặt hoạt động của phòng trước Lãnh đạo công ty. Thực hiện các quy định của pháp luật về kế toán, tài chính trong đơn vị.

- Tổ chức phân công nhiệm vụ cho các nhân viên, tổ chức hạch toán kịp

thời theo tổ chức sản xuất của công ty, hướng dẫn nghiệp vụ cho các bộ phận liên quan về biểu mẫu, luân chuyển chứng từ, thanh quyết toán.

- Lập BCTC, BCQT, báo cáo hợp nhất Tổng công ty, báo cáo quyết toán thuế TNDN, báo cáo thường niên gửi UBCK, TTGDHN, lập báo cáo của người quản lý vốn tại doanh nghiệp, các báo cáo khác theo yêu cầu của Lãnh đạo công ty, Tổng công ty và các cơ quan chức năng.

- Hạch toán tổng hợp kết quả kinh doanh toàn công ty

- Làm các công việc khác theo sự phân công của Lãnh đạo công ty.

Kế toán tổng hợp:

- Hạch toán các TK 331 – Phải trả người bán, TK 3351- Chi phí phải trả dịch vụ thuê ngoài, TK 152 – Nguyên nhiên vật liệu chi tiết theo từng loại vật tư, theo từng kho, theo nhà cung cấp, thường xuyên đối chiếu công nợ với khách hàng.

- Hạch toán TK 141- Tạm ứng, TK 221- TSCĐ, TK 334, 338- Tiền lương và BHXH.

- Xuất hóa đơn GTGT bán xi măng theo đề nghị của bộ phận kinh doanh xi măng, cập nhật hóa đơn GTGT bán xi măng và bảng kê thuế GTGT đầu ra hàng tháng.

- Có trách nhiệm tra soát các TK để phục vụ công tác tổng hợp số liệu.

- Hạch toán TK 1121- Tiền gửi ngân hàng, TK 128- Đầu tư ngắn hạn, TK 515- Doanh thu hoạt động tài chính, TK 711- Doanh thu khác.

- Thực hiện nhận và đặt lệnh mua, bán chứng khoán cho Cổ đông theo quy định. Trả lời, hướng dẫn cho Cổ đông các thủ tục liên quan đến chứng khoán, làm các thủ tục hợp lệ theo yêu cầu của Cổ đông.

- Phụ trách mạng nội bộ phòng Kế toán tài chính, sao lưu số liệu kế toán, theo dõi và đưa thông tin theo yêu cầu của Lãnh đạo công ty lên Website, trực tiếp quản lý mật khẩu truy cập Website.

Kế toán doanh thu

- Hạch toán phần doanh thu dịch vụ TK 5113, các khoản phải thu của khách hàng TK 131. Theo dõi kịp thời chính xác công nợ, thường xuyên đôn

độc đối chiếu thu hồi nợ bằng văn bản, theo dõi thống kê các hợp đồng kinh tế

- Hạch toán quỹ tiền mặt TK 111
- Thống kê theo dõi sản lượng, doanh thu chi tiết theo từng hoạt động sản xuất kinh doanh
- Hàng tháng lập báo cáo thuế GTGT, theo dõi hoạch toán TK 1331 và 3331
- Hạch toán phân bổ chi phí CCDC, chi phí bảo hiểm phương tiện qua TK 1421 chính xác theo vụ việc theo tiêu khoản. Quản lý hóa đơn GTGT.
- Viết các phiếu nhập, xuất vật tư, phiếu lĩnh nhiên liệu, phiếu thu, phiếu chi.

Kế toán bán hàng:

- Có trách nhiệm hoạch toán bộ phận kinh doanh xi măng, cập nhật phiếu xuất kho xi măng, phiếu nhập mua xi măng, theo dõi các khoản nợ bán xi măng chi tiết theo nhân viên bán hàng, theo khách hàng, lập phiếu thu tiền bán xi măng.
- Cuối tháng kết hợp với nhân viên thống kê đối chiếu công nợ tiền bán xi măng, kiểm kê các kho xi măng, lập báo cáo nhập xuất tồn (TK 156), báo cáo công nợ phải thu bán xi măng (TK 131), báo cáo doanh thu bán XM(51111).
- Phụ giúp công tác kế toán theo sự phân công của phòng kế toán tài chính.

Thủ quỹ

- Hằng ngày có trách nhiệm thu – chi đúng quy định, bảng kê thanh toán phải có đầy đủ chữ kí của người nhận tiền, người nộp tiền, kế toán và Giám đốc.
- Cuối ngày khóa sổ đối chiếu số quỹ tiền mặt với kế toán thanh toán, ký sổ quỹ, tiến hành niêm phong kết cuối ngày.
- Có trách nhiệm nộp và rút tiền ngân hàng theo lệnh của Lãnh đạo phòng kế toán tài chính và Giám đốc công ty.
- Phát lương tạm ứng, thưởng cho CBCNV sản xuất kinh doanh . Thu phiếu xăng dầu của công ty hàng tháng.

2.1.6.2. Chính sách và phương pháp kế toán công ty áp dụng

- Chế độ kế toán áp dụng theo Quyết Định số 15/2006/QĐ - BTC ngày 20/3/2006.

- Niên độ kế toán: Bắt đầu từ 01/01 đến 31/12 hàng năm.

- Đơn vị tiền tệ kế toán: Đồng Việt Nam.

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ: phải thu được lợi ích kinh tế từ việc sử dụng tài sản đó, giá trị ban đầu được xác định theo nguyên giá, thời gian sử dụng trên một năm, đủ tiêu chuẩn giá trị theo quy định hiện hành.

- Phương pháp khấu hao TSCĐ theo phương pháp khấu hao đường thẳng.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho theo giá gốc.

- Phương pháp tính thuế: Công ty áp dụng phương pháp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, các loại thuế được tính theo đúng quy định của Bộ Tài Chính.

- Hình thức ghi sổ kế toán: Để phù hợp với đặc điểm kinh doanh, yêu cầu, trình độ quản lý, cũng như yêu cầu về trình độ và năng lực của cán bộ kế toán, công ty lựa chọn hình thức sổ áp dụng là hình thức sổ nhật ký chung.

2.2. Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần thương mại dịch vụ vận tải xi măng Hải Phòng

2.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Các mặt hàng và phương thức bán hàng tại Công ty

- Mặt hàng kinh doanh chủ yếu : Xi măng Hải Phòng(PCB 30HP và PCB 40HP).

Kinh doanh vận tải thủy, bộ

Kinh doanh kho, bến bãi, xe khách

Cung ứng vật tư đầu vào cho ngành xi măng

- Phương thức bán hàng: Hiện nay, Công ty đang áp dụng hình thức bán hàng chủ yếu là bán lẻ giao thẳng (vận chuyển đến tận chân công trình) và bán lẻ qua kho

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ ở Công ty cổ phần thương mại

dịch vụ vận tải Xi măng Hải phòng chủ yếu là doanh thu bán hàng là Xi măng Hải phòng với khối lượng và giá trị lớn.

Công ty thực hiện phân loại doanh thu là cơ sở quan trọng trong việc tập hợp, hệ thống hoá thông tin phục vụ yêu cầu kế toán theo chế độ kế toán quy định hoặc theo yêu cầu quản trị kinh doanh nội bộ doanh nghiệp. Tuy nhiên, cách phân loại doanh thu của công ty mới chỉ đáp ứng yêu cầu lập các chỉ tiêu trên các báo cáo mang tính bắt buộc, còn để phục vụ cho công tác quản trị hầu như chưa được thực hiện.

Doanh thu cung cấp dịch vụ tại công ty

Tại công ty doanh thu cung cấp dịch vụ thường bao gồm :

- Doanh thu cung cấp vận tải bộ, thủy
- Doanh thu kinh doanh kho, bến bãi

*** Chứng từ sử dụng**

- Hóa đơn GTGT (mẫu số 01- GTKT3/001)

Hoá đơn giá trị gia tăng là loại chứng từ phản ánh hàng hoá bán ra cho khách hàng bên ngoài, là căn cứ để đơn vị hạch toán doanh thu, người mua hàng sẽ làm chứng từ đi đường và ghi vào sổ kế toán. Hoá đơn giá trị gia tăng gồm 3 liên:

- Liên 1: Lưu tại phòng kế toán
- Liên 2: Giao cho khách hàng làm chứng từ đi đường và ghi sổ kế toán
- Liên 3: Chuyển cho thủ kho để ghi thẻ kho, sau đó chuyển cho phòng kế toán để kế toán ghi sổ và làm thủ tục thanh toán (nếu chưa trả tiền)
- Phiếu thu (mẫu số 01- TT)
- Giấy báo có.
- Hợp đồng mua bán hàng hóa
- Các chứng từ có liên quan khác.

*** Tài khoản sử dụng**

Để tổ chức kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, công ty sử dụng TK511 : Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ . Trong đó công ty có mở các

tài khoản chi tiết như sau:

TK 5111: Doanh thu cung cấp hàng hóa

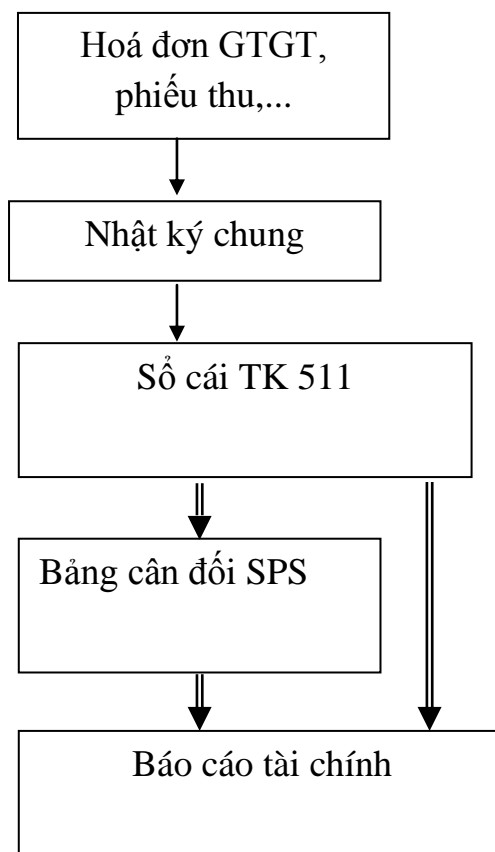
TK 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ

Ngoài ra còn có các tài khoản liên quan khác: TK 131, 111, 112, 3331,...

*** Quy trình kế toán**

- Thời điểm ghi nhận doanh thu là thời điểm bên mua đã nhận hàng, thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán. Để hạch toán doanh thu bán hàng, thuế GTGT đầu ra kế toán sẽ căn cứ vào số tiền khách hàng chấp nhận thanh toán ở hóa đơn GTGT. Kế toán sử dụng các sổ sách sau để theo dõi: Nhật ký chung, sổ cái tài khoản 511, 3331, 111, 112, 131,...ngoài ra kế toán còn ghi vào sổ chi tiết thanh toán với người mua.

Sơ đồ 2.3: Quy trình ghi sổ kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ



Ghi chú

Ghi hàng ngày \longrightarrow

Ghi cuối tháng hoặc định kì \Longrightarrow

Hàng ngày căn cứ vào hóa đơn GTGT, phiếu thu và các chứng từ có liên quan kế toán tiến hành ghi sổ chi tiết các TK511,sổ NKC. Từ sổ NKC vào sổ cái

TK 511.

Cuối quý kê toán tổng hợp số liệu để lập báo cáo tài chính.

Khảo sát số liệu quý IV/2011, công ty không phát sinh doanh thu cung cấp dịch vụ.

★ Khảo sát số liệu quý IV/2011

-Ngày 18/12/2011, công ty xuất bán xi măng PCB 30 HP cho công ty TNHH Hồng Tuyền theo hóa đơn GTGT số 000746, số lượng 7 tấn. Đơn giá là 1.145.454,5đ/tấn. Tổng tiền thanh toán là 8.820.000đ. Trị giá vốn hàng xuất kho là 6.981.467,5đ.

Nợ TK 131: 8.820.000

Có TK 511: 8.018.182

Có TK 3331: 801.818

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0000746, kê toán phản ánh doanh thu bán hàng trong tháng vào sổ NKC(**biểu số 2.1**), sổ cái TK 511(**biểu số 2.2**). Cuối quý kê toán lập phiếu kê toán kết chuyển sang TK 911(**biểu số 2.3**) để xác định kết quả kinh doanh.

-Ngày 22/12/2011, công ty xuất bán xi măng PCB 30 HP cho công ty cổ phần Daso Hải Phòng theo hóa đơn GTGT số 0000748, Số lượng 8 tấn. Đơn giá là 1.236.363,63đ/tấn. Tổng tiền thanh toán là 10.880.000đ. Trị giá vốn hàng xuất kho là 9.090.912đ

Nợ TK 131: 10.880.000

Có TK 511: 9.890.909

Có TK 3331: 989.091

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0000748, kê toán phản ánh doanh thu bán hàng trong tháng vào sổ NKC(**biểu số 2.1**), sổ cái TK 511(**biểu số 2.2**). Cuối quý kê toán lập phiếu kê toán kết chuyển sang TK 911(**biểu số 2.3**) để xác định kết quả kinh doanh.

HOÁ ĐƠN			Mẫu số: 01/GTKT-3LL															
GIÁ TRỊ GIA TĂNG			AA/11P															
Liên 3: Nội bộ			0000746															
<i>Ngày 18 tháng 12 năm 2011</i>																		
Đơn vị bán hàng: Công ty cổ phần thương mại dịch vụ vận tải xi măng Hải Phòng																		
Địa chỉ: Số 290 đường Hà Nội – Phường Sở Dầu – Quận Hồng Bàng – TP Hải Phòng																		
Email: vtxmhp@gmail.com																		
Điện thoại: .031.3540418			MST:		<table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 20px; height: 20px;">0</td> <td style="width: 20px; height: 20px;">2</td> <td style="width: 20px; height: 20px;">0</td> <td style="width: 20px; height: 20px;">0</td> <td style="width: 20px; height: 20px;">5</td> <td style="width: 20px; height: 20px;">7</td> <td style="width: 20px; height: 20px;">7</td> <td style="width: 20px; height: 20px;">5</td> <td style="width: 20px; height: 20px;">6</td> <td style="width: 20px; height: 20px;">3</td> <td style="width: 20px; height: 20px;"> </td> <td style="width: 20px; height: 20px;"> </td> <td style="width: 20px; height: 20px;"> </td> </tr> </table>	0	2	0	0	5	7	7	5	6	3			
0	2	0	0	5	7	7	5	6	3									
Họ tên người mua hàng:																		
Tên đơn vị: Công ty TNHH Hồng Tuyển																		
Địa chỉ: Số 27 đường 5/1 - phường Hùng Vương- quận Hồng Bàng-TP Hải Phòng																		
Số tài khoản:.....																		
Hình thức thanh toán:			MST:		<table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 20px; height: 20px;">0</td> <td style="width: 20px; height: 20px;">2</td> <td style="width: 20px; height: 20px;">0</td> <td style="width: 20px; height: 20px;">0</td> <td style="width: 20px; height: 20px;">7</td> <td style="width: 20px; height: 20px;">8</td> <td style="width: 20px; height: 20px;">5</td> <td style="width: 20px; height: 20px;">3</td> <td style="width: 20px; height: 20px;">6</td> <td style="width: 20px; height: 20px;">2</td> <td style="width: 20px; height: 20px;"> </td> <td style="width: 20px; height: 20px;"> </td> <td style="width: 20px; height: 20px;"> </td> </tr> </table>	0	2	0	0	7	8	5	3	6	2			
0	2	0	0	7	8	5	3	6	2									
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị Tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền													
1	2	3	4	5	6=4x5													
	Xi măng PCB30Hp (PX 197/12)	Tấn	07	1.145.454,5	8.018.182													
Cộng tiền hàng:					8.018.182													
Thuế GTGT: 10 %		Tiền thuế GTGT:		801.818														
Tổng cộng tiền thanh toán					8.820.000													
Số tiền viết bằng chữ: <i>tám triệu tám trăm hai mươi nghìn đồng</i>																		
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị														
		<i>Phạm Thế Hưng</i>		<i>Vũ Xuân Bằng</i>														

HOÁ ĐƠN			Mẫu số: 01 GTKT-3LL															
GIÁ TRỊ GIA TĂNG			AA/11P															
Liên 3: Nội bộ			0000748															
<i>Ngày 22 tháng 12 năm 2011</i>																		
Đơn vị bán hàng: Công ty cổ phần thương mại dịch vụ vận tải xi măng Hải Phòng																		
Địa chỉ: Số 290 đường Hà Nội – Phường Sở Dầu – Quận Hồng Bàng – TP Hải Phòng																		
Email: vtxmhp@gmail.com																		
Điện thoại: .031.3540418			MST:		<table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 20px; height: 20px;">0</td> <td style="width: 20px; height: 20px;">2</td> <td style="width: 20px; height: 20px;">0</td> <td style="width: 20px; height: 20px;">0</td> <td style="width: 20px; height: 20px;">5</td> <td style="width: 20px; height: 20px;">7</td> <td style="width: 20px; height: 20px;">7</td> <td style="width: 20px; height: 20px;">5</td> <td style="width: 20px; height: 20px;">6</td> <td style="width: 20px; height: 20px;">3</td> <td style="width: 20px; height: 20px;">-</td> <td style="width: 20px; height: 20px;">-</td> <td style="width: 20px; height: 20px;">-</td> </tr> </table>	0	2	0	0	5	7	7	5	6	3	-	-	-
0	2	0	0	5	7	7	5	6	3	-	-	-						
Họ tên người mua hàng:																		
Tên đơn vị: Công ty Cổ phần Daso Hải Phòng																		
Địa chỉ: Số 110 đường Ngô Quyền – Hải Phòng																		
Số tài khoản:																		
Hình thức thanh toán:			MST:		<table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 20px; height: 20px;">0</td> <td style="width: 20px; height: 20px;">2</td> <td style="width: 20px; height: 20px;">0</td> <td style="width: 20px; height: 20px;">0</td> <td style="width: 20px; height: 20px;">3</td> <td style="width: 20px; height: 20px;">9</td> <td style="width: 20px; height: 20px;">9</td> <td style="width: 20px; height: 20px;">8</td> <td style="width: 20px; height: 20px;">4</td> <td style="width: 20px; height: 20px;">-</td> <td style="width: 20px; height: 20px;">-</td> <td style="width: 20px; height: 20px;">-</td> </tr> </table>	0	2	0	0	3	9	9	8	4	-	-	-	
0	2	0	0	3	9	9	8	4	-	-	-							
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị Tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền													
1	2	3	4	5	6=4x5													
	Xi măng PCB30Hp (PX 199/12)	Tấn	08	1.236.363,63	9.890.909													
Cộng tiền hàng:					9.890.909													
Thuế GTGT: 10 %		Tiền thuế GTGT:			989.091													
Tổng cộng tiền thanh toán					10.880.000													
Số tiền viết bằng chữ: <i>mười triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng</i>																		
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị														
		<i>Phạm Thế Hưng</i>		<i>Vũ Xuân Bằng</i>														

Biểu số 2.1: Sổ nhật ký chung

Đơn vị: CTY cổ phần thương mại dịch vụ vận tải xi măng Hải Phòng

Địa chỉ: 290 đường Hà Nội – HB - HP

Mẫu số S03a-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC



SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Quý IV/2011

ĐVT: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK		Số phát sinh	
Số hiệu	NT		Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
		Trang trước chuyển sang			70.844.673.458	70.844.673.458
					
HD 746	18/12	Bán xi măng PCB30HPchưa thu tiền	131		8.820.000	
		Doanh thu bán hàng		511		8.018.182
		VAT đầu ra tương ứng		3331		801.818
					
PC 050	22/12	Nộp tiền vào TK 102010000211123	112		100.000.000	
				111		100.000.000
HD 748	22/12	Bán xi măng PCB30HPchưa thu tiền	131		10.880.000	
		Doanh thu bán hàng		511		9.890.909
		VAT đầu ra tương ứng		3331		989.091
					
		- Tổng cộng phát sinh			83.323.082.966	83.323.082.966

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Phạm Thế Hưng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

Vũ Xuân Bằng

Biểu số 2.2: Sổ cái TK 511

Đơn vị: CTY cổ phần thương mại dịch vụ vận tải
xi măng Hải Phòng
Địa chỉ: Số 290 đường Hà Nội – HB - HP

Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC



SỔ CÁI

Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng
Số hiệu TK: 511
Quý IV/ 2011

ĐVT:

VNĐ

Chứng từ		Diễn Giải	TK Đ U'	Số tiền	
NT	SH			Nợ	Có
		<u>SDDK</u>			
		Số phát sinh			
				
18/12	HD745	Xuất bán xi măng cho cty CP Vĩnh Thủy	131		9.163.636
18/12	HD746	Xuất bán xi măng cho cty TNHH Hồng Tuyển	131		8.018.182
19/12	HD747	Xuất bán xi măng cho cty TNHH Tuấn Loan	131		6.872.727
22/12	HD748	Xuất bán xi măng cho Cty Cp Daso HP	131		9.890.909
				
31/12	PK061	Kết chuyển sang 911	911	14.754.483.784	
		Cộng phát sinh		<u>14.754.483.784</u>	<u>14.754.483.784</u>
		<u>SDCK</u>			

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)
Phạm Thế Hưng

Giám đốc
(Ký, họ tên)
Vũ Xuân Bằng

2.2.2 Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ vận tải Xi măng Hải Phòng là công ty bán hàng theo quy mô vừa và nhỏ, việc bán hàng đa phần là bán hàng giao thẳng theo hợp đồng bao tiêu của khách hàng trong nước nghĩa là Công ty chỉ nhập hàng khi có nhu cầu thật sự của khách hàng nội và nhập đúng chất lượng, số lượng khách hàng yêu cầu. Qua nhiều năm kinh nghiệm trên thương trường, bán hàng của công ty đều rất tin cậy và có uy tín. Vì vậy, các khoản giảm trừ Doanh thu, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại là hầu như ít xảy ra.

Chỉ một số ít trường hợp mà Giám đốc Công ty chấp nhận giảm giá cho khách hàng trên cơ sở đề xuất của Phòng kinh doanh chẳng hạn như khách hàng mua một lượng hàng lớn nhưng vận chuyển xa, chi phí lớn thì Công ty chấp nhận giảm giá cho khách hàng theo một tỷ lệ phần trăm nào đó, kế toán sẽ trực tiếp ghi vào sổ chi tiết TK131 để trừ vào số phải thu của khách hàng, nếu khách hàng thanh toán bằng tiền thì kế toán sẽ gửi lại tiền cho khách. Do vậy, kế toán không lập sổ chi tiết giảm giá hàng bán – TK532.

Công ty không áp dụng chiết khấu đối với khách hàng trả tiền trước, trả tiền sớm của mình. Tất cả khách hàng nếu vi phạm điều khoản thanh toán, như thanh toán chậm thì Công ty sẽ tính lãi trả chậm theo lãi suất quy định trong hợp đồng cho số tiền chậm trả.

Mặt khác, Công ty nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ nên khoản thuế GTGT trực tiếp làm giảm Doanh thu bán hàng cũng không tồn tại.

Số liệu khảo sát Quý IV/2011, công ty không phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu.

2.2.3. Kế toán giá vốn hàng bán

Công ty cổ phần thương mại dịch vụ vận tải xi măng Hải Phòng là công ty thương mại dịch vụ nên giá vốn của hàng hóa được xác định như sau:

** Đối với hàng mua bán trong nước giao thẳng :*

Giá vốn hàng bán được xác định là giá mua chưa có thuế GTGT, các chi phí thu mua khác phát sinh như vận chuyển, giao nhận được kế toán tập hợp vào

chi phí bán hàng trong kỳ.

Giá vốn được ghi nhận khi hàng được xác nhận là tiêu thụ khi Công ty xuất hoá đơn GTGT cho khách hàng.

** Đối với hàng mua về nhập kho :*

Tại Công ty Cổ phần thương mại dịch vụ vận tải Xi măng Hải phòng chủ yếu mua hàng về giao thẳng, số lượng hàng nhập kho chiếm tỷ lệ thấp, nên hàng tồn kho được xác định theo giá đích danh, tính cho từng lô hàng . Giá vốn hàng bán cũng được xác định như trường hợp nêu trên, các chi phí vận chuyển, lưu kho bãi được hạch toán vào chi phí bán hàng.

Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn giá trị gia tăng (mẫu số 01- GTKT- 3LL)
- Phiếu xuất kho (mẫu số 02-VT)
- Các chứng từ khác có liên quan

Tài khoản sử dụng

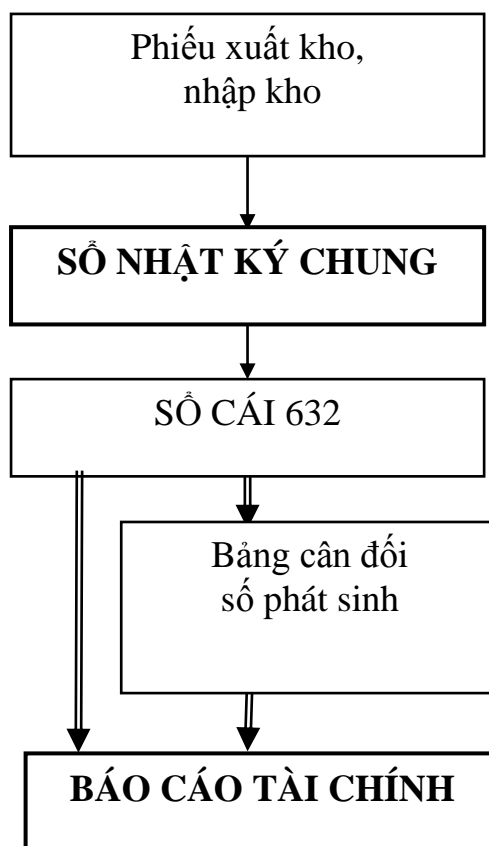
Để hạch toán giá vốn hàng bán kế toán sử dụng tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán

Tài khoản này kế toán công ty theo dõi chi tiết trên các tài khoản như sau:

- ✓ Tài khoản 6321: Giá vốn hàng bán của hàng hóa

Quy trình kế toán

Sơ đồ 2.4: Quy trình kế toán ghi sổ giá vốn hàng bán



Ghi chú:

Ghi hàng ngày \longrightarrow

Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ \Longrightarrow

Khi hàng về, kế toán lập phiếu nhập kho, ghi vào thẻ kho. Khi xuất bán, lập phiếu xuất kho, ghi vào sổ chi tiết vật tư hàng hoá để từ đó xác định được lượng hàng tồn kho, lượng hàng đã xuất bán.

Hàng ngày, kế toán ghi vào sổ NKC, từ sổ NKC kế toán vào ghi sổ cái TK 632.

Cuối quý kế toán kết chuyển giá vốn hàng bán sang TK911 để xác định kết quả kinh doanh.

★ Khảo sát số liệu quý IV/2011

-Ngày 22/12/2011, công ty xuất bán xi măng PCB 30 HP cho công ty cổ phần Daso Hải Phòng theo hóa đơn GTGT số 0000748, số lượng 8 tấn. Đơn giá là 1.236.363,63đ/tấn. Tổng tiền thanh toán là 10.880.000đ. Trị giá vốn hàng xuất kho là 9.090.912đ. Cùng với việc ghi nhận doanh thu bán hàng kế toán phản ánh

giá vốn hàng bán.

Nợ TK 632: 9.090.912

Có TK 156: 9.090.912

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0000748, kế toán lập phiếu xuất kho(**biểu số 2.4**) sau đó ghi vào sổ NKC(**biểu số 2.5**). Từ sổ NKC, kế toán ghi sổ cái 632(**biểu số 2.6**). Cuối quý kế toán lập phiếu kế toán kết chuyển sang TK 911(**biểu số 2.7**) để xác định kết quả kinh doanh.

Biểu số 2.4: Phiếu xuất kho

Công ty CP thương mại dịch vụ vận tải
xi măng Hải Phòng
Số 290 đường Hà Nội-HP

Mẫu 02 - VT
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 22 tháng 12 năm 2011

Số: **199/12**

- Họ và tên người nhận hàng : Công ty cổ phần Daso Hải Phòng
- Địa chỉ : Số 110 đường Ngô Quyền - HP
- Lý do xuất kho : Xuất bán
- Xuất tại kho (ngăn lô) : Xi măng Hải Phòng

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Xi măng PCB 30HP		Tấn	08	08	1.136.364	9.090.912
Cộng							9.090.912

-Tổng số tiền (viết bằng chữ):

-Số chứng từ gốc kèm theo: **HD 0000748**

Ngày 22 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Phạm Thế Hưng

Vũ Xuân Bằng

Biểu số 2.5: Sổ nhật ký chung

Đơn vị: CTY cổ phần thương mại dịch vụ vận tải xi măng Hải Phòng
 Địa chỉ: 290 đường Hà Nội – HB - HP

Mẫu số S03a-DN
 (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)



SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Quý IV/2011

ĐVT: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK		Số phát sinh	
Số hiệu	NT		Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
		Trang trước chuyển sang			70.844.673.458	70.844.673.458
					
PC 050	22/12	Nộp tiền vào TK 102010000211123	112		100.000.000	
				111		100.000.000
BC52	22/12	Công ty cổ phần TM Đà Nẵng trả tiền cước phụ Gia bằng TGNH	112		23.255.355	
				131		23.255.355
					
PX 199/12	22/12	Xuất xi măng PCB 30HP bán cho công ty cổ phần Daso Hải Phòng	632		9.090.912	
				156		9.090.912
					
		- Tổng cộng phát sinh			83.323.082.966	83.323.082.966

Người ghi sổ
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)
 Phạm Thế Hưng

Giám đốc
 (Ký, họ tên)
 Vũ Xuân Bằng

Biểu số 2.6: Sổ cái TK 632

Đơn vị: CTY cổ phần thương mại dịch vụ vận tải
xi măng Hải Phòng
Địa chỉ: Số 290 đường Hà Nội – HB - HP

Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC



SỔ CÁI

Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán

Số hiệu TK: 632

Quý IV/ 2011

DVT:

VND

Chứng từ		Diễn Giải	TK Đ U	Số tiền	
NT	SH			Nợ	Có
		<u>SDDK</u>			
		Số phát sinh			
				
1/12	PX1/12	Xuất bán 8 tấn xi măng cho tâm- hòa bình	156	9.090.912	
2/12	PX2/12	Xuất bán 7 tấn xi măng cho Thiệp- Thủy Nguyên	156	7.954.548	
				
22/12	PX 199/12	Xuất bán 8 tấn xi măng cho công ty Daso Hải Phòng	156	9.090.912	
				
31/12	PK 062	Kết chuyển sang 911	911		13.413.874.872
		Cộng phát sinh		<u>13.413.874.87</u>	<u>13.413.874.872</u>
		<u>SDCK</u>			

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)
Phạm Thế Hưng

Giám đốc
(Ký, họ tên)
Vũ Xuân Bằng

2.2.4. Kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Với đặc trưng là Doanh nghiệp thường xuyên thực hiện các nghiệp vụ mua bán với khách hàng là các khách hàng trong nước nên Công ty cũng phải bỏ ra một số khoản chi phí đặc thù phục vụ cho công tác bán hàng như: Chi phí vận chuyển hàng hoá (làm hàng, bốc xếp, vé cầu đường....)

- Chi phí tiếp nhận, vận chuyển hàng.(làm hàng, bốc xếp, vé cầu đường....)

- Tính ra tiền lương phải trả nhân viên bán hàng.

- Trích BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN theo tỷ lệ quy định trên tổng số tiền lương phát sinh trong kỳ tính vào chi phí.

- Trích khấu hao tài sản cố định ở bộ phận bán hàng.

- Các chi phí bằng tiền phát sinh khác.

Bên cạnh Chi phí bán hàng, Công ty còn phải bỏ thêm các khoản chi phí khác nhằm duy trì hoạt động kinh doanh, đảm bảo các hoạt động của Doanh nghiệp diễn ra bình thường, đó cũng chính là tiền đề cho các mối quan hệ của Công ty và khách hàng cũng như các đối tác quan trọng cho sự tồn tại và phát triển của Công ty. Các chi phí QLDN phát sinh trong Công ty bao gồm các khoản mục chính sau:

- Chi phí đi công tác .

- Chi phí điện thoại, điện, nước, dịch vụ bưu điện, chi phí văn phòng ...

- Chi phí khấu hao TSCĐ được phân bổ .

- Chi phí tiếp khách, tiệc hội nghị .

- Chi phí nhân viên văn phòng...

Chứng từ sử dụng:

- Bảng tính và phân bổ khấu hao

- Bảng thanh toán tiền lương (mẫu số 02- LĐTL)

- Phiếu chi (mẫu số 02-TT)

- Hóa đơn GTGT (mẫu số 01- GTKT- 3LL)

TK sử dụng.

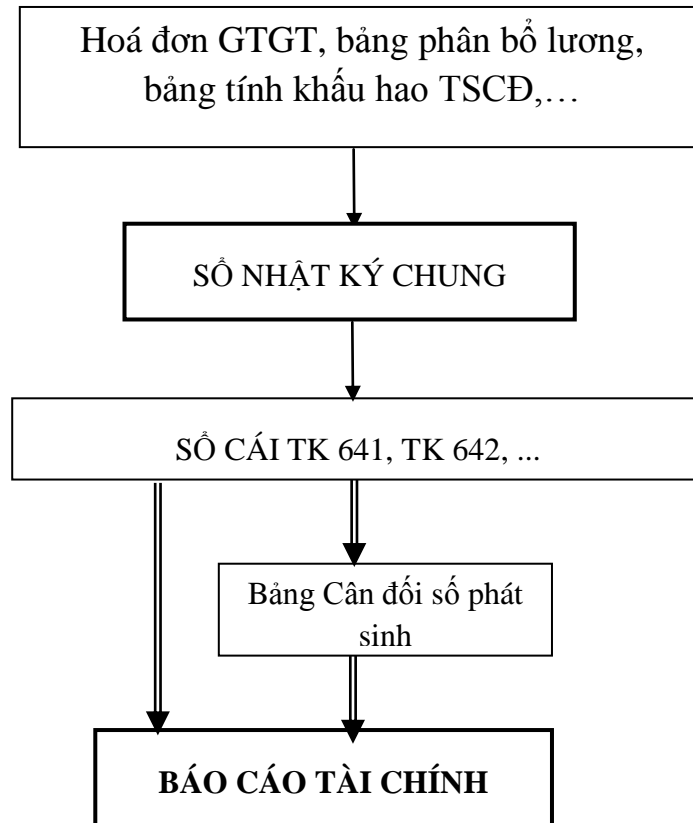
TK 641: Chi phí bán hàng.

TK 642: Chi phí quản lý doanh nghiệp.

Và các TK khác có liên quan: TK 111, TK 112, ...

Quy trình kế toán

Sơ đồ 2.5: Quy trình ghi sổ kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp



Ghi chú:
 → Ghi hàng ngày
 ==> Ghi cuối tháng hoặc định kì

Hàng ngày, khi có các khoản chi phí phát sinh, căn cứ vào các chứng từ gốc như: Hoá đơn mua vào, Phiếu chi, Ủy nhiệm chi, Giấy báo Nợ của Ngân hàng, Bảng phân bổ lương, Bảng phân bổ khấu hao TSCĐ... kế toán thực hiện hạch toán vào sổ nhật ký chung. Từ sổ NKC, kế toán ghi sổ cái tài khoản TK 641, TK 642. Cuối quý, Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp được tập hợp và kết chuyển hết sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh chứ không phân bổ riêng cho từng loại hàng xuất bán.

★ **Khảo sát số liệu quý IV/2011**

- Ngày 02/12/2011, thanh toán chi phí vệ sinh đô thị tháng 12/2011 theo

phiếu chi số 002, số tiền là 480.000đ.

Nợ TK 642: 480.000

Có TK 111: 480.000

Căn cứ vào phiếu chi(**biểu số 2.8**), kế toán ghi chép vào sổ NKC(**biểu số 2.12**), kế toán tổng hợp vào sổ cái TK 642(**biểu số 2.14**) . Cuối quý kế toán lập phiếu kế toán kết chuyển sang TK 911(**biểu số 2.16**) để xác định kết quả kinh doanh.

● Ngày 26/12/2011, Thanh toán chi phí hội nghị khách hàng về việc triển khai và thực hiện kế hoạch bán hàng năm 2012 cho Lê Văn Thắng phòng kinh doanh

theo Phiếu chi số 060, Số tiền là 4.360.000đ.

Nợ TK 641: 4.360.000

Có TK 111: 4.360.000

Người xin thanh toán viết giấy đề nghị thanh toán(**biểu số 2.9**). Sau khi giám đốc phê duyệt và kế toán trưởng kí nhận, kế toán lập phiếu chi(**biểu số 2.10**) và chi tiền cho người đề nghị thanh toán. Sau đó kế toán sẽ phản ánh nghiệp vụ vào sổ nhật ký chung(**biểu số 2.12**), kế toán vào sổ cái TK 641(**biểu số 2.13**). Cuối quý kế toán lập phiếu kế toán kết chuyển sang TK 911(**biểu số 2.15**) để xác định kết quả kinh doanh.

● Ngày 31/12/2011, kế toán trích khấu hao TSCĐ tháng 12 của bộ phận bán hàng số tiền là 8.999.538đ , bộ phận quản lý doanh nghiệp số tiền là 8.249.977đ.

Nợ TK 641: 8.999.538

Nợ TK 642: 8.249.977

Có TK 214: 17.249.515

Căn cứ vào bảng tính và trích khấu hao TSCĐ (**biểu số 2.11**), kế toán vào sổ NKC(**biểu số 2.12**) rồi vào sổ cái TK 641(**biểu số 2.13**), TK 642(**biểu số 2.14**). Cuối quý kế toán lập phiếu kế toán kết chuyển sang TK 911(**biểu số 2.15**, **biểu số 2.16**) để xác định kết quả kinh doanh.

Biểu số 2.8: Phiếu chi

Đơn vị: Công ty cổ phần thương mại dịch vụ

vận tải xi măng Hải Phòng

Địa chỉ: Số 290 đường Hà Nội – HB-HP
BTC

Mẫu số : 02 - TT

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ –

Ngày 20/3/2006 của Bộ trung Bộ tài chính)

Quyển số:

PHIẾU CHI

Ngày 02/12/2011

Số: **002**

Nợ: 642

Có: 111

Họ tên người nhận tiền:

Nguyễn Bích Liễu

Địa chỉ: Phòng kế toán tài chính - Công ty cổ phần thương mại dịch vụ vận tải xi măng Hải Phòng

Lý do chi tiền: Chi phí vệ sinh đô thị tháng 12/2011

Số tiền: **480.000đ**

Bằng chữ: *Bốn trăm tám mươi nghìn đồng*

Đã nhận đủ tiền (viết bằng chữ): *bốn trăm tám mươi nghìn đồng*

Ngày 02 tháng 12 năm 2011

Giám đốc Kế toán trưởng Người lập phiếu Người nhận tiền Thủ quỹ

Vũ Xuân Bằng Phạm Thế Hưng Nguyễn Thu Lê Văn Thắng Nguyễn Bích Liễu

Biểu số 2.9: Giấy đề nghị thanh toán

Công ty cổ phần thương mại dịch vụ

vận tải xi măng HP

Mẫu số : 05 - TT

Địa chỉ: Số 290-đường Hà Nội –HB-HP

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC

Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính)

GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN

Kính gửi: - GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ phần thương mại dịch vụ vận tải xi măng Hải Phòng

Tên tôi là: Lê Văn Thắng

Nhân viên phòng kinh doanh công ty Cổ phần thương mại dịch vụ vận tải xi măng Hải Phòng

Tôi làm đơn này kính đề nghị Giám đốc Công ty thanh toán chi phí hội nghị khách hàng về việc triển khai và thực hiện kế hoạch bán hàng năm 2012

Số tiền đề nghị trả: **4.360.000đ**

Bằng chữ: **Bốn triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng**

Lý do thanh toán: chi phí hội nghị khách hàng về việc triển khai và thực hiện kế hoạch bán hàng năm 2012

Ngày 26 tháng 12 năm 2011

Người đề nghị thanh toán Phòng kế toán Phòng kinh doanh Giám đốc

Lê Văn Thắng Phạm Thế Hưng Vũ Văn Đức Vũ Xuân Bằng

Biểu số 2.10: Phiếu chi

Đơn vị: Công ty cổ phần thương mại dịch vụ
vận tải xi măng Hải Phòng

Mẫu số : 02 - TT

Địa chỉ: Số 290 đường Hà Nội – HB-HP

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ –BTC

Ngày 20/3/2006 của Bộ trung Bộ tài chính)

Quyển số:

PHIẾU CHI

Ngày 26/12/2011

Số: 060

Nợ: 641

Có: 111

Họ tên người nhận tiền:

Lê Văn Thắng

Địa chỉ: Phòng kinh doanh- Công ty cổ phần thương mại dịch vụ vận tải xi măng
Hải Phòng

Lý do chi tiền: Thanh toán chi phí hội nghị khách hàng về việc triển khai và thực
hiện kế hoạch bán hàng năm 2012

Số tiền: 4.360.000đ

Bằng chữ: *Bốn triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng*

Đã nhận đủ tiền (viết bằng chữ): *bốn triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng*

Ngày 26 tháng 12 năm 2011

Giám đốc Kế toán trưởng Người lập phiếu Người nhận tiền Thủ quỹ

**Vũ Xuân Bằng Phạm Thế Hưng Nguyễn Thu Lê Văn Thắng Nguyễn Bích
Liễu**

Biểu số 2.11: Bảng tính và trích khấu hao TSCĐ

Đơn vị: CTY cổ phần thương mại dịch vụ vận tải xi măng Hải Phòng

Địa chỉ: 290 đường Hà Nội – HB - HP



BẢNG TÍNH VÀ TRÍCH KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Tháng 12 năm 2012

STT	Tên TSCĐ	Thời gian trích KH	Ngày đưa vào SD	Nguyên giá	Mức KH trong kỳ	Hao mòn lũy kế	GTCL
I	Bộ phận bán hàng			1.002.761.862	8.999.538	203.837.207	798.924.655
1	Xe Trường Giang 16M2764	96 tháng	01/10/2009	308.730.953	3.215.947	125.421.933	183.309.020
2	Xe Hoa Mai 16N6726	120 tháng	01/11/2010	387.430.909	3.228.591	45.200.274	342.230.635
3	Xe Hoa Mai 16N7433	120 tháng	01/12/2010	306.600.000	2.555.000	33.215.000	273.385.000
II	Bộ phận quản lý doanh nghiệp			872.638.445	8.249.977	372.960.520	499.677.925
1	Nhà để xe con 6 gian	72 tháng	01/01/2008	41.511.159	576.544	27.674.112	13.837.047
2	Nhà để xe gara	72 tháng	01/07/2008	21.337.285	296.351	12.446.742	8.890.543
3	Máy phát điện Diesel-puel	84 tháng	01/04/2009	12.727.273	151.515	4.999.995	7.727.278
4	Laptop sony vaio	60 tháng	01/05/2007	21.735.238	362.254	20.286.224	1.449.014
5	Bộ máy tính CPU	60 tháng	01/10/2009	10.600.000	176.667	4.770.009	5.829.991
6	Xe oto innova 16L 7648	96 tháng	01/01/2008	455.868.400	4.748.629	227.934.192	227.934.208
7	Máy photocopy BIZHUB 162	60 tháng	01/12/2007	23.449.090	390.818	19.150.082	4.299.008
8	Chi phí quyền sử dụng 9.026,9m2 đất	396 tháng	01/01/2009	226.967.000	573.149	20.633.364	206.333.636
9	Chi phí quyền sử dụng 2.324,4m2 đất	60 tháng	01/01/2009	58.443.000	974.050	35.065.800	23.377.200
	Cộng			1.875.400.307	17.249.515	576.797.727	1.298.602.580

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)
Phạm Thế Hưng

Giám đốc
(Ký, họ tên)
Vũ Xuân Bằng

Biểu số 2.12: Sổ nhật ký chung

Đơn vị: CTY cổ phần thương mại dịch vụ vận tải xi măng Hải Phòng

mãng Hải Phòng

Địa chỉ: 290 đường Hà Nội – HB - HP

Mẫu số S03a-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC



SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Quý IV/2011

ĐVT: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK		Số phát sinh	
Số hiệu	NT		Nợ	Có	Nợ	Có
		Trang trước chuyển sang			70.844.673.458	70.844.673.458
					
PC 002	02/12	Chi phí vệ sinh đô thị tháng 12/2011	642		480.000	
		Tiền mặt Việt Nam		111		480.000
					
PC 060	26/12	Chi phí hội nghị khách hàng về việc triển khai, thực hiện kế hoạch bán hàng năm 2012	641		4.360.000	
		Tiền mặt Việt Nam		111		4.360.000
					
PK 59	31/12	khấu hao TSCĐ tháng 12 bộ phận bán hàng	641		8.999.538	
				214		8.999.538
PK 60	31/12	khấu hao TSCĐ tháng 12 bộ phận QLDN	642		8.249.977	
				214		8.249.977
					
		- Tổng cộng phát sinh			83.323.082.966	83.323.082.966

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Phạm Thế Hưng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

Vũ Xuân Bằng

Biểu số 2.13: Sổ cái TK 641

Đơn vị: CTY cổ phần thương mại dịch vụ vận tải

Mẫu số S03b-DN

xi măng Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Địa chỉ: Số 290 đường Hà Nội – HB - HP

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC



SỔ CÁI

Tên tài khoản: Chi phí bán hàng

Số hiệu TK: 641

Quý IV/ 2011

ĐVT:

VND

Chứng từ		Diễn Giải	TK Đ U	Số tiền	
NT	SH			Nợ	Có
		<u>SDDK</u>			
		Số phát sinh			
				
14/12	PX 006	Lĩnh bảo hộ lao động quý 4/2011- nhân viên bán hàng	153	8.164.000	
				
26/12	PC 060	Chi phí hội nghị khách hàng về việc triển khai và thực hiện kế hoạch bán hàng năm 2012	111	4.360.000	
				
31/12	PK 59	khấu hao TSCĐ tháng 12	214	8.999.538	
31/12	PK 064	Kết chuyển sang 911	911		506.545.195
		Cộng phát sinh		<u>506.545.195</u>	<u>506.545.195</u>
		<u>SDCK</u>			

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Phạm Thế Hưng

Vũ Xuân Bằng

Biểu số 2.14: Sổ cái TK 642

Đơn vị: CTY cổ phần thương mại dịch vụ vận tải

Mẫu số S03b-DN

xi măng Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Địa chỉ: Số 290 đường Hà Nội – HB - HP

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC



SỔ CÁI

Tên tài khoản: Chi phí quản lý doanh nghiệp

Số hiệu TK: 642

Quý IV/ 2011

ĐVT:

VND

Chứng từ		Diễn Giải	TK Đ U	Số tiền	
NT	SH			Nợ	Có
		<u>SDDK</u>			
		Số phát sinh			
				
01/12	PK 003	Phân bổ chi phí quảng cáo tháng 12	242	5.303.037	
02/12	PC 002	Chi phí vệ sinh đô thị tháng 12/2011	111	480.000	
				
31/12	PK 60	khấu hao TSCĐ tháng 12	214	8.249.977	
31/12	PK 065	Kết chuyển sang 911	911		1.056.878.769
		Cộng phát sinh		<u>1.056.878.769</u>	<u>1.056.878.769</u>
		<u>SDCK</u>			

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Phạm Thế Hưng

Vũ Xuân Bằng

2.2.5. Kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính

Tại công ty Cổ phần thương mại dịch vụ vận tải Xi măng Hải Phòng, doanh thu hoạt động tài chính là từ tiền lãi, tiền cổ tức và lợi nhuận được chia, chênh lệch tỷ giá khi trả nợ cho nhà cung cấp chủ yếu là tiền lãi thu được từ tiền gửi ngân hàng.

Chi phí tài chính: tại công ty không phát sinh nhiều chi phí tài chính cho hoạt động tài chính. Hoạt động tài chính chủ yếu là các khoản chi phí liên quan đến việc trả lãi vay ngân hàng.

Chứng từ sử dụng:

- Giấy báo lãi của ngân hàng
- Giấy báo trả tiền lãi vay
- Các chứng từ khác có liên quan

TK sử dụng.

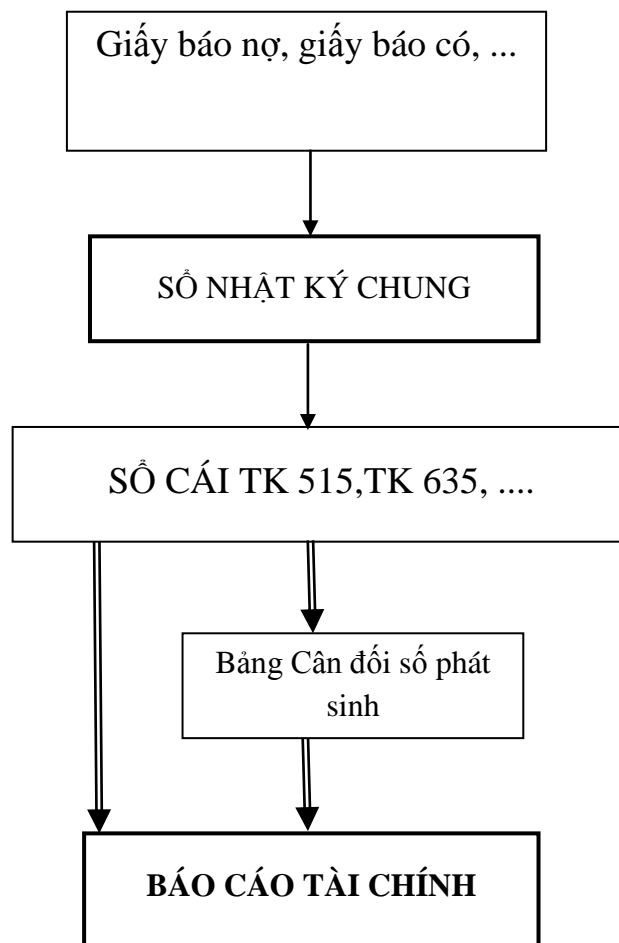
TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính.

TK 635: Chi phí hoạt động tài chính.

TK 112: Tiền gửi Ngân hàng.

Quy trình kế toán

Sơ đồ 2.6: Quy trình ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính



Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
- =====> Ghi cuối tháng hoặc định kì

Khi nhận được giấy báo có, giấy báo nợ,... kế toán ghi vào sổ nhật ký chung, sổ cái TK 515,635. Cuối quý kế toán kết chuyển doanh thu, chi phí hoạt động tài chính sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.

Số liệu quý IV/2011, công ty không phát sinh chi phí hoạt động tài chính.

★ Khảo sát số liệu quý IV/2011

Ngày 01/12/2011, ngân hàng Công thương Việt Nam – chi nhánh Hồng Bàng gửi phiếu báo lãi tiền gửi có kỳ hạn về lãi tiền gửi 1 tháng 850.000.000đ của công ty, số tiền là 9.916.667đ

Nợ 112: 9.916.667

Có 515: 9.916.667

Căn cứ vào giấy báo lãi tiền gửi có kỳ hạn của ngân hàng(**biểu số 2.17**), và sao kê tài khoản chi tiết (**biểu số 2.18**) kế toán phản ánh nghiệp vụ này vào sổ nhật ký chung(**biểu số 2.19**), sổ cái TK 515(**biểu số 2.20**). Cuối quý kế toán kết chuyển sang TK 911(**biểu số 2.21**) để xác định kết quả kinh doanh.

Biểu số 2.17: Phiếu báo lãi tiền gửi có kỳ hạn

Vietinbank

NHTMCP CONG THUONG VN

Chi nhánh: 00166 CN HONG BANG

PHIẾU BÁO LÃI TIỀN GỬI CÓ KỲ HẠN

Ngân hàng chúng tôi xin thông báo Lãi tiền gửi có kỳ hạn của quý khách từ ngày 01/11/2011 đến ngày 01/12/2011.

Tên khách hàng: CTY CP TMAI DVU – VTAI XI MANG HP

Số TK: 113010000845533

Loại tiền tệ: VND

Kỳ hạn : 1 tháng

Lãi suất 14%/năm

Số dư gốc: 850.000.000

Lãi được hưởng: 9.916.667.00

Tiền lãi bằng chữ: Chín triệu chín trăm mười sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy

Ngày 01 tháng 12 năm 2011

Giao dịch viên

Kiểm soát viên

Biểu số 2.18: Sao kê tài khoản chi tiết

Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam				
Sao kê tài khoản chi tiết				
Stament of Account				
Từ ngày <i>From date</i> 01/11/2011		Đến ngày <i>To date</i> 01/12/2011		Trang Page
Số tài khoản <i>Account No:</i> 113010000845533		Tiền tệ <i>Currency</i> VND		
Tên tài khoản <i>Account Name:</i>		Ngày phát hành trước <i>Previcus Period</i>		
CTY CP TMAI – DVU – VTAI – XI MĂNG HP				
Số dư đầu kỳ <i>Beginning Balance:</i>		Số dư cuối kỳ <i>Ending Balance :</i>		
440.706.638		450.623.350		
Ngày phát sinh <i>Transaction Date</i>	Số chứng từ <i>Document No</i>	Nội dung giao dịch <i>Description</i>	Doanh số phát sinh <i>TransactedAmount</i>	
			Nợ <i>Debit</i>	Có <i>Credit</i>
01/12/2011	150	CD INTEREST		9.916.667.00
		CONG PHAT SINH		9.916.667.00
Giao dịch viên		Kiểm soát viên		
<i>Teller</i>		<i>Supervisor</i>		

Biểu số 2.19: Sổ nhật ký chung

Đơn vị: CTY cổ phần thương mại dịch vụ vận tải xi măng Hải Phòng
Địa chỉ: 290 đường Hà Nội – HB - HP

Mẫu số S03a-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)



SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Quý IV/2011

ĐVT: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK		Số phát sinh	
Số hiệu	NT		Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
		Trang trước chuyển sang			70.844.673.458	70.844.673.458
					
BC 01C	01/12	Lãi tiền gửi ngân hàng Công thương chi nhánh HB	112		9.916.667	
				515		9.916.667
					
PC 050	22/12	Nộp tiền vào TK 102010000211123	112		100.000.000	
				111		100.000.000
BC 52	22/12	Công ty cổ phần TM Đà Nẵng trả tiền cước phụ Gia bằng TGNH	112		23.255.355	
				131		23.255.355
					
		- Tổng cộng phát sinh			83.323.082.966	83.323.082.966

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Phạm Thế Hưng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

Vũ Xuân Bằng

Biểu số 2.20: Sổ cái TK 515

Đơn vị: CTY cổ phần thương mại dịch vụ vận tải
xi măng Hải Phòng
Địa chỉ: Số 290 đường Hà Nội – HB - HP

Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC



SỔ CÁI

Tên tài khoản: Doanh thu hoạt động tài chính
Số hiệu TK: 515
Quý IV/ 2011

ĐVT:

VND

Chứng từ		Diễn Giải	TK Đ U	Số tiền	
NT	SH			Nợ	Có
		<u>SDDK</u>			
		Số phát sinh			
				
01/12	BC 01C	Lãi tiền gửi ngân hàng công thương chi nhánh HB	112		9.916.667
01/12	BC 02	Lãi tiền gửi tại công ty Cổ phần chứng khoán bảo việt	112		2.077.000
				
31/12	BC 73	Lãi tiền gửi ngân hàng techcombank- CN Hải Phòng	112		8.051.000
31/12	PK 063	Kết chuyển sang 911	911	255.821.912	
		Cộng phát sinh		<u>255.821.912</u>	<u>255.821.912</u>
		<u>SDCK</u>			

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)
Phạm Thế Hưng

Giám đốc
(Ký, họ tên)
Vũ Xuân Bằng

2.2.6. Kế toán thu nhập khác, chi phí khác

◆ Tại công ty cổ phần thương mại dịch vụ vận tải xi măng Hải Phòng, các khoản thu nhập khác phát sinh không nhiều, chủ yếu là thu từ thanh lý nhượng bán tài sản cố định.

◆ Chi phí khác là những khoản chi không thuộc hoạt động sản xuất kinh doanh hay hoạt động tài chính. Tại công ty cổ phần thương mại dịch vụ vận tải xi măng Hải Phòng các khoản chi phí khác phát sinh không nhiều, chủ yếu là giá trị còn lại của tài sản cố định khi thanh lý nhượng bán.

Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Quyết định thanh lý, nhượng bán tài sản cố định
- Biên bản bàn giao tài sản cố định
- Phiếu thu

Tài khoản sử dụng

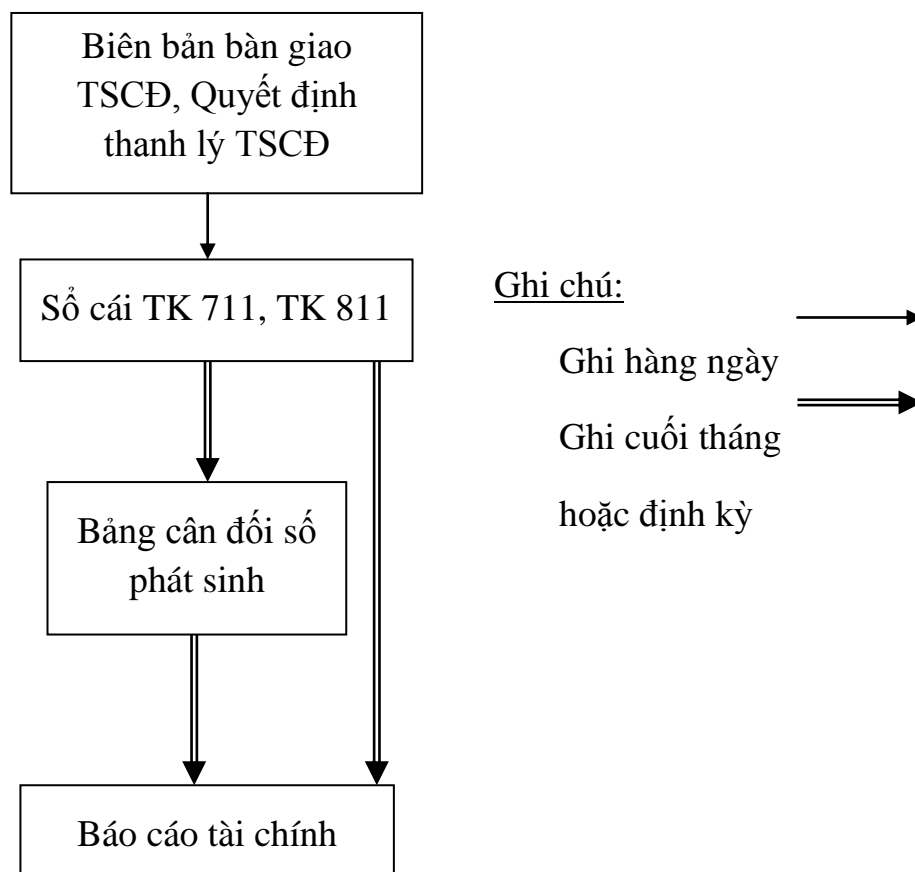
- TK 711: thu nhập khác
- TK 811: chi phí khác
- Các tài khoản khác có liên quan

Quy trình kế toán

Hàng ngày, khi có nghiệp vụ kinh tế phát sinh, căn cứ vào các chứng từ gốc như quyết định thanh lý tài sản cố định và biên bản bàn giao tài sản cố định, Hóa đơn GTGT, phiếu thu... kế toán vào sổ NKC, Sổ cái TK 711, Sổ cái TK 811 và các sổ khác có liên quan.

Cuối quý kế toán thực hiện thao tác kết chuyển sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh, lập Bảng cân đối số phát sinh.

Sơ đồ 2.7: Quy trình ghi sổ kế toán thu nhập khác, chi phí khác



Số liệu quý IV/Năm 2011, công ty cổ phần thương mại dịch vụ vận tải xi măng Hải Phòng không phát sinh các khoản thu nhập khác, chi phí khác.

2.2.7. Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần thương mại dịch vụ vận tải xi măng Hải Phòng

Kết quả kinh doanh là chỉ tiêu hiệu quả kinh doanh của công ty, kết quả kinh doanh được xác định là chênh lệch giữa doanh thu, thu nhập và các khoản chi phí trong kỳ. Vì vậy ngoài chỉ tiêu về doanh thu, thu nhập để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ, kế toán còn tập hợp các khoản chi phí.

Chứng từ sử dụng

- Phiếu kế toán
- Các chứng từ khác có liên quan.

Kế toán sử dụng Tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh

Quy trình kế toán

- Căn cứ để xác định kết quả kinh doanh là số dư cuối quý, cuối năm của các TK 511, 515, 711, 632, 635, 641, 642, 811. Số dư cuối quý cuối năm của các TK 511, 515, 711 được chuyển vào bên có của TK 911. Còn số dư cuối quý cuối năm của các TK còn lại 632, 635, 641, 642, 811 được chuyển vào bên nợ của TK 911.

- Sau khi bù trừ hai bên Nợ _ Có trên TK 911, kế toán xác định kết quả kinh doanh của công ty như sau:

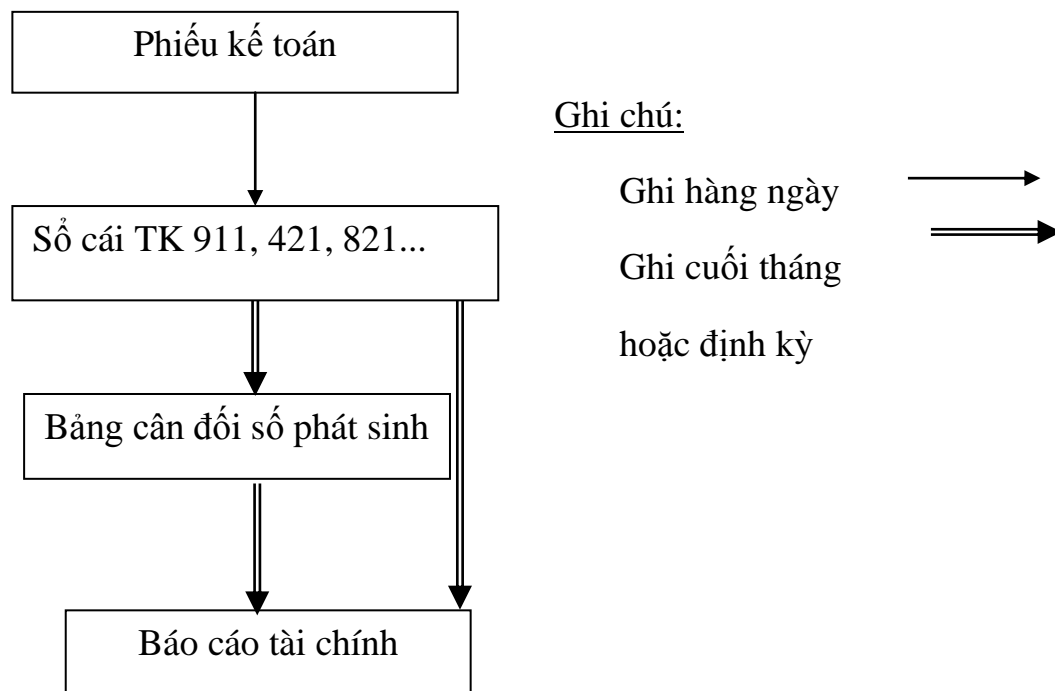
+ Nếu số tiền dư Nợ TK 911 tức là trong quý, năm kết quả kinh doanh của công ty là lỗ và số tiền được chuyển sang bên Nợ TK 421

+ Nếu số tiền dư Có TK 911 tức là trong quý, năm kết quả kinh doanh của công ty là lãi và số tiền được chuyển sang bên Có TK 421

Kế toán hạch toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp vào TK 821

$$\text{Thuế TNDN phải nộp} = \text{Thu nhập chịu thuế} \times 25\%$$

Sơ đồ 2.8: Quy trình ghi sổ kế toán xác định kết quả kinh doanh



Căn cứ vào PKT 061(Biểu số 2.3), PKT 062(Biểu số 2.7), PKT 063(Biểu số 2.15), PKT 064(Biểu số 2.16), PKT 065(Biểu số 2.21), PKT 066(biểu số 2.22), PKT 067(biểu số 2.23), PKT 068(biểu số 2.24) kế toán tiến hành vào Sổ nhật

kí chung của quý IV/2011 (**Biểu số 2.25**). Từ sổ nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái TK911(**biểu số 2.26**),Sổ cái TK 821(**Biểu số 2.27**), Sổ cái TK 421(**Biểu số 2.28**)

Bút toán kết chuyển như sau:

Nợ TK 511:	14.754.483.784
Nợ TK 515:	255.821.912
Có TK 911:	15.010.305.696
Nợ TK 911:	14.977.298.836
Có TK 632:	13.413.874.872
Có TK 641:	506.545.195
Có TK 642:	1.056.878.769
Nợ TK 821:	8.251.715
Có 3334:	8.251.715
Nợ TK 911:	8.251.715
Có TK 821:	8.251.715
Nợ TK 911:	24.755.145
Có TK 421:	24.755.145

Biểu số 2.3: Phiếu kế toán

Đơn vị: CTY cổ phần thương mại dịch vụ vận tải xi măng Hải Phòng

Địa chỉ: Số 290 đường Hà Nội – HB - HP



PHIẾU KẾ TOÁN

Quý IV/2011

Số 061

Ngày tháng ghi sổ	Diễn giải	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
		Nợ	Có		
31/12/2011	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511	911	14.754.483.784	
	Cộng			<u>14.754.483.784</u>	

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)
Phạm Thế Hưng

Giám đốc
(Ký, họ tên)
Vũ Xuân Bằng

Biểu số 2.7:Phiếu kế toán

Đơn vị: CTY cổ phần thương mại dịch vụ vận tải xi măng Hải Phòng

Địa chỉ: Số 290 đường Hà Nội – HB - HP



PHIẾU KẾ TOÁN

Quý IV/2011

Số 062

Ngày tháng ghi sổ	Diễn giải	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
		Nợ	Có		
31/12/2011	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	13.413.874.872	
	Cộng			<u>13.413.874.872</u>	

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)
Phạm Thế Hưng

Giám đốc
(Ký, họ tên)
Vũ Xuân Bằng

Biểu số 2.15: Phiếu kế toán

Đơn vị: CTY cổ phần thương mại dịch vụ vận tải xi măng Hải Phòng

Địa chỉ: Số 290 đường Hà Nội – HB - HP



PHIẾU KẾ TOÁN

Quý IV/2011

Số 063

Ngày tháng ghi sổ	Diễn giải	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
		Nợ	Có		
31/12/2011	Kết chuyển chi phí bán hàng	911	641	506.545.195	
	Cộng			<u>506.545.195</u>	

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

Phạm Thế Hưng

Vũ Xuân Bằng

Biểu số 2.16: Phiếu kế toán

Đơn vị: CTY cổ phần thương mại dịch vụ vận tải xi măng Hải Phòng

Địa chỉ: Số 290 đường Hà Nội – HB - HP



PHIẾU KẾ TOÁN

Quý IV/2011

Số 064

Ngày tháng ghi sổ	Diễn giải	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
		Nợ	Có		
31/12/2011	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	911	642	1.056.878.769	
	Cộng			<u>1.056.878.769</u>	

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

Phạm Thế Hưng

Vũ Xuân Bằng

Biểu số 2.21: Phiếu kế toán

Đơn vị: CTY cổ phần thương mại dịch vụ vận tải xi măng Hải Phòng

Địa chỉ: Số 290 đường Hà Nội – HB - HP



PHIẾU KẾ TOÁN

Quý IV/2011

Số 065

Ngày tháng ghi sổ	Diễn giải	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
		Nợ	Có		
31/12/2011	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	911	255.821.912	
	Cộng			<u>255.821.912</u>	

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

Phạm Thế Hưng

Vũ Xuân Bằng

Biểu số 2.22: Phiếu kế toán

Đơn vị: CTY cổ phần thương mại dịch vụ vận tải xi măng Hải Phòng

Địa chỉ: Số 290 đường Hà Nội – HB - HP



PHIẾU KẾ TOÁN

Quý IV/2011

Số 066

Ngày tháng ghi sổ	Diễn giải	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
		Nợ	Có		
31/12/2011	Xác định thuế TNDN phải nộp	821	3334	8.251.715	
	Cộng			<u>8.251.715</u>	

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

Phạm Thế Hưng

Vũ Xuân Bằng

Biểu số 2.23: Phiếu kế toán

Đơn vị: CTY cổ phần thương mại dịch vụ vận tải xi măng Hải Phòng

Địa chỉ: Số 290 đường Hà Nội – HB - HP



PHIẾU KẾ TOÁN

Quý IV/2011

Số 067

Ngày tháng ghi sổ	Diễn giải	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
		Nợ	Có		
31/12/2011	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911	821	8.251.715	
	Cộng			<u>8.251.715</u>	

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

Phạm Thế Hưng

Vũ Xuân Bằng

Biểu số 2.24: Phiếu kế toán

Đơn vị: CTY cổ phần thương mại dịch vụ vận tải xi măng Hải Phòng

Địa chỉ: Số 290 đường Hà Nội – HB - HP



PHIẾU KẾ TOÁN

Quý IV/2011

Số 068

Ngày tháng ghi sổ	Diễn giải	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
		Nợ	Có		
31/12/2011	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế TNDN	911	421	24.755.145	
	Cộng			<u>24.755.145</u>	

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

Phạm Thế Hưng

Vũ Xuân Bằng

Biểu số 2.25: Sổ nhật ký chung

Đơn vị: CTY CỔ PHẦN thương mại dịch vụ vận

tải xi măng Hải Phòng

Địa chỉ: Số 290 đường Hà Nội –HB_HP

Mẫu số S03a-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC



SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Quý IV/Năm 2011

ĐVT: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK		Số phát sinh	
SH	NT		Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
		Trang trước chuyển sang			<u>72.844.673.458</u>	<u>72.844.673.458</u>
					
PK 061	31/12	Kết chuyển Doanh thu Bán hàng và cung cấp dịch vụ	511		14.754.483.784	
				911		
PK 062	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911		13.413.874.872	
				632		
PK 063	31/12	Kết chuyển chi phí bán hàng	911		506.545.195	
				641		
PK 064	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	911		1.056.878.769	
				642		
PK 065	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515		255.821.912	
				911		
PK 066	31/12	Xác định thuế TNDN phải nộp	821		8.251.715	
				3334		
PK 067	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911		8.251.715	
				821		
PK 068	31/12	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế TNDN	911		24.755.145	
				421		
		Tổng cộng phát sinh			<u>83.323.082.966</u>	<u>83.323.082.966</u>

Biểu số 2.26: Sổ cái TK 911

Đơn vị: CTY CỔ PHẦN thương mại dịch vụ vận
tải xi măng Hải Phòng
Địa chỉ: Số 290- đường Hà Nội –HB-HP

Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC



SỔ CÁI

Tên tài khoản: Xác định kết quả kinh doanh

Số hiệu TK: 911

Quý IV/Năm 2011

ĐVT: VNĐ

Chứng từ		DIỄN GIẢI	TK ĐƯ	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
		<u>SDDK</u>			
		Số phát sinh			
PK 061	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511		14.754.483.784
PK 062	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng	632	13.413.874.872	
PKT 063	31/12	Kết chuyển chi phí bán hàng	641	506.545.195	
PKT 064	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	642	1.056.878.769	
PK 065	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515		255.821.912
PKT 067	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	821	8.251.715	
PKT 068	31/12	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế TNDN	421	24.755.145	
		Cộng phát sinh		<u>15.010.305.696</u>	<u>15.010.305.696</u>
		<u>SDCK</u>			

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Phạm Thế Hưng

Vũ Xuân Bằng

Biểu số 2.27: Sổ cái TK 821

Đơn vị: CTY CỔ PHẦN thương mại dịch vụ vận
tải xi măng Hải Phòng
Địa chỉ: Số 290- đường Hà Nội –HB-HP

Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC



SỔ CÁI

Tên tài khoản: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp
Số hiệu TK: 821
Quý IV/Năm 2011

ĐVT: VNĐ

Chứng từ		DIỄN GIẢI	TK ĐƯ	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
		<u>SDDK</u>			
		Số phát sinh			
PK 066	31/12	Xác định thuế TNDN phải nộp quý 4/2011	3334	8.251.715	
PK 067	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911		8.251.715
		Cộng phát sinh		<u>8.251.715</u>	<u>8.251.715</u>
		<u>SDCK</u>			

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

Phạm Thế Hưng

Vũ Xuân Bằng

Biểu số 2.28: Sổ cái TK 421

Đơn vị: CTY CỔ PHẦN thương mại dịch vụ vận

Mẫu số S03b-DN

tải xi măng Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Địa chỉ: Số 290- đường Hà Nội –HB-HP

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC



SỔ CÁI

Tên tài khoản: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

Số hiệu TK: 421

Quý IV/Năm 2011

ĐVT: VNĐ

Chứng từ		DIỄN GIẢI	TK ĐƯ	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
		<u>SDDK</u>			<u>384.076.094</u>
		Số phát sinh			
PK 068	31/12	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế quý IV/2011	911		24.755.145
		Cộng phát sinh			<u>24.755.145</u>
		<u>SDCK</u>			<u>408.831.239</u>

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

Phạm Thế Hưng

Vũ Xuân Bằng

CHƯƠNG 3: MỘT SỐ Ý KIẾN HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VẬN TẢI XI MĂNG HẢI PHÒNG

3.1 Những nhận xét, đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần thương mại dịch vụ vận tải xi măng Hải Phòng.

Với truyền thống xây dựng và phát triển, cùng với xu thế hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng nên hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần thương mại dịch vụ vận tải Xi măng Hải phòng có rất nhiều thuận lợi, tuy nhiên là một doanh nghiệp Nhà nước mới bước vào hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần, sự cạnh tranh ngày càng khốc liệt trên thị trường nên hoạt động kinh doanh của Công ty cũng gặp không ít khó khăn. Nhờ sự chỉ đạo đúng đắn, sát sao của bộ máy quản lý và vai trò của các cán bộ kế toán đặc biệt là trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nên Công ty đã duy trì và phát triển được lượng bán hàng tin cậy rộng khắp cả nước với nguồn hàng phong phú, đa dạng cũng như lượng khách hàng tiêu thụ sản phẩm uy tín khắp mọi miền đất nước.

3.1.1. Ưu điểm

- Thứ nhất: Về hình thức tổ chức kế toán và bộ máy kế toán.

Hình thức tổ chức công tác kế toán và bộ máy kế toán nhìn chung là phù hợp với đặc điểm tổ chức Kinh doanh ở Công ty. Công ty cổ phần thương mại dịch vụ vận tải Xi măng Hải phòng là Công ty kinh doanh thương mại với quy mô đủ lớn. Vì vậy, việc áp dụng hình thức tổ chức bộ máy kế toán tập trung là hợp lý, nhằm đảm bảo quản lý chặt chẽ, sâu sát số liệu. Các nhân viên kế toán chủ yếu thuộc thế hệ trẻ, có trình độ nghiệp vụ chắc chắn lại linh hoạt và nhanh nhẹn.

- Thứ hai: Về phương pháp kế toán áp dụng.

Phương pháp kế toán áp dụng cũng rất khoa học và hợp lý với điều kiện của Công ty.

Hệ thống tài khoản hoàn toàn thống nhất theo chế độ mới của Bộ Tài chính

(theo QĐ15/2006/QĐ-BTC) và được mở chi tiết thành các tài khoản cấp 3, 4...theo tình hình hạch toán thực tế của Công ty giúp cho việc đánh giá, tập hợp số liệu cũng chính xác và chi tiết hơn.

Hệ thống chứng từ kế toán phản ánh nghiệp vụ kinh tế phát sinh được sử dụng đầy đủ, theo đúng mẫu của chế độ mới, trình độ luân chuyển hợp lý tạo điều kiện cho việc hạch toán đầy đủ, kịp thời trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh Bán hàng cũng như là cơ sở cho việc kiểm tra, đối chiếu giữa số liệu kế toán với thực tế, là căn cứ giúp nhà quản lý có được những thông tin chính xác và đầy đủ.

- Thứ ba: Về công tác kế toán doanh thu, chi phí

Kế toán doanh thu, chi phí là một nội dung quan trọng trong công tác kế toán của Công ty, có liên quan đến xác định kết quả kinh doanh, các khoản thu nhập thực tế và phân phối nộp Nhà nước. Nó còn phản ánh sự vận động của tài sản, tiền vốn trong lưu thông. Công ty luôn chấp hành đúng chính sách chế độ kế toán tài chính của Nhà nước, các chính sách giá, thuế; tổ chức mở sổ kế toán một cách phù hợp để phản ánh tình hình biến động của công tác doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Do vậy kế toán doanh thu, chi phí đã được phản ánh một cách chính xác, góp phần bảo vệ tài sản của Công ty.

- Thứ tư: Về công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh

Công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty đã đáp ứng được yêu cầu của Ban giám đốc trong việc cung cấp thông tin về tình hình kinh doanh của toàn Công ty một cách kịp thời và chính xác. Việc ghi chép, phản ánh được tiến hành dựa trên căn cứ khoa học của chế độ kế toán hiện hành và tình hình thực tế của Công ty.

3.1.2. Những hạn chế:

- Thứ nhất: Về xe vận chuyển hàng hoá.

Trong quá trình hạch toán hoạt động bán hàng, trường hợp công ty bán hàng giao thẳng tại chân công trình hoặc chuyển thẳng đến kho của khách hàng mà không nhập vào kho của Công ty, bộ phận kinh doanh nhiều lúc chưa đáp ứng đủ nhu cầu của khách hàng về số lượng cũng như thời gian, địa điểm giao hàng theo yêu cầu của khách hàng do số lượng xe vận chuyển còn ít và trọng tải xe nhỏ.

- Thứ hai : Theo dõi, ghi chép sổ sách

Bộ phận kinh doanh xi măng là bộ phận mới thành lập để giải quyết việc làm cho một số lao động dôi dư không còn phù hợp với công trước đây nên các nhân viên bán hàng hầu hết là những công nhân có trình độ không cao, việc ghi chép sổ sách bán hàng còn hạn chế đã gây một số khó khăn trong công tác đối chiếu cả về số lượng và tình hình công nợ của khách hàng..

- Thứ ba : Về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Việc tập hợp và hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tương đối hoàn chỉnh nhưng việc hạch toán doanh thu chưa thật chi tiết và phản ánh chưa rõ đặc thù khi doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được tạo ra từ việc cung cấp hàng hoá và dịch vụ kèm theo. Công ty vẫn chưa mở sổ chi tiết bán hàng để theo dõi từng loại mặt hàng bán ra.

3.2 Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần thương mại dịch vụ vận tải xi măng Hải Phòng***3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty***

Trong bối cảnh nền kinh tế với nhiều cạnh tranh và quy luật sinh tồn khốc liệt như hiện nay, mỗi Doanh nghiệp phải thực sự đương đầu với nhiều khó khăn và thách thức để không chỉ duy trì mà còn phải phát triển và vươn xa hơn nữa. Chính vì vậy, tất cả các công cụ quản lý đều được các nhà quản trị vận dụng một cách triệt để, trong số đó không thể không kể đến công cụ hạch toán kế toán. Nhờ có hạch toán kế toán mà các nhà quản trị mới có được những thông tin, số liệu chính xác nhất về tình hình, thực trạng hoạt động của chính bản thân Doanh nghiệp mình, từ đó đưa ra những quyết sách, kế hoạch mang tính chiến lược trước mắt và cả lâu dài để phát triển kinh doanh của Doanh nghiệp.

Tuy nền kinh tế thị trường còn non trẻ nhưng hệ thống văn bản pháp luật về kế toán tài chính vẫn đang không ngừng được hoàn thiện mỗi ngày, Việt Nam đang từng bước khẳng định với thế giới về tiềm năng phát triển của mình mà bằng chứng là tiềm năng phát triển của mỗi doanh nghiệp. Chính vì vậy, hoàn thiện công tác hạch toán kế toán ở mỗi Doanh nghiệp không chỉ cần thiết đối với bản thân doanh

nghiệp đó mà còn rất quan trọng đối với Nhà nước trong việc kiểm tra tình hình chấp hành các chính sách, chế độ của Nhà nước, thông qua đó Nhà nước điều chỉnh các chính sách, chế độ cho phù hợp với điều kiện thực tế của các doanh nghiệp.

Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là khâu quan trọng trong sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, qua đó có thể đánh giá được thực trạng phát triển, những ưu điểm, hạn chế còn tồn tại trong kinh doanh. Do đó việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh ngày càng phải được chú trọng.

3.2.2 Các nguyên tắc cơ bản của việc hoàn thiện :

- Việc hoàn thiện phải xuất phát từ đặc trưng của hoạt động kinh doanh thương mại, dịch vụ. Mục đích kinh doanh cũng là lợi nhuận cao nhất, do đó các cấp quản lý cần phải tổ chức một guồng máy hạch toán hữu hiệu, khách quan không những mang lại lợi ích cho chính doanh nghiệp mà còn cho cả sự tăng trưởng kinh tế của đất nước.

- Hoàn thiện công tác kế toán phải căn cứ vào mô hình chung trong hạch toán : những quy định về ghi chép, luân chuyển chứng từ của bản thân thực thể kinh doanh.

- Hoàn thiện công tác kế toán là đảm bảo nguyên tắc phục vụ, nâng cao chất lượng kinh doanh. Do đó đòi hỏi kế toán phải bám sát và cung cấp thông tin kế toán phải nhạy bén, sát thực phù hợp với xu hướng chung.

- Tổ chức công tác kế toán doanh nghiệp phải đảm bảo phù hợp với khả năng và trình độ chuyên môn của cán bộ kế toán và những điều kiện cơ sở vật chất kỹ thuật và có thể áp dụng khoa học công nghệ tin học trong kế toán.

3.2.3 Một số ý kiến góp phần hoàn thiện công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty

+ Ý kiến 1: . Hoàn thiện hệ thống chứng từ kế toán

Hệ thống chứng từ là cơ sở quan trọng đầu tiên chứng minh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh và thực sự hoàn thành. Chứng từ chính là cơ sở cho việc ghi chép số liệu vào sổ kế toán, chứng từ ban đầu phải được kiểm tra kỹ nội dung, tính hợp lý, hợp lệ của chứng từ, như chi phí liên quan đến tiếp nhận, vận chuyển hàng thì

chỉ được thanh toán trên cơ sở phương án kinh doanh đã được duyệt cho từng hợp đồng kinh tế, tránh trường hợp thanh toán vượt quá chi phí theo phương án đã được duyệt khi ký hợp đồng. Tổ chức công tác lập, luân chuyển chứng từ một cách khoa học đảm bảo tuân thủ pháp luật, phù hợp với đặc thù tổ chức quản lý hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp

- Cần xác định rõ các bộ phận có trách nhiệm lập chứng từ, quy định về thủ tục, phương pháp lập chứng từ.

- Xây dựng chương trình luân chuyển chứng từ hợp lý đối với từng loại chứng từ chủ yếu.

+ Ý kiến 2: Về hạch toán kế toán doanh thu bán hàng

- Khi hạch toán doanh thu bán hàng, công ty cần hạch toán chi tiết doanh thu bán hàng của từng loại mặt hàng bán ra, mở sổ chi tiết bán hàng (**biểu số 3.1**) nhằm giúp công ty nắm được chi tiết từng loại mặt hàng bán ra, giúp kiểm tra chi tiết từng loại hàng hoá tiêu thụ ra sao. Từ đó cấp lãnh đạo có thể đưa ra các chiến lược tiêu thụ như: marketing, tìm kiếm thị trường, tìm kiếm đối tác.

Biểu số 3.1: Sổ chi tiết bán hàng

Đơn vị: Cty cổ phần thương mại dịch vụ vận tải xi măng
Hải Phòng
Địa chỉ: Số 290 đường Hà Nội – HB - HP

Mẫu số S35-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)



SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tên hàng hóa : xi măng PCB 30hp.
Quý IV năm 2011

Đơn vị : Đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
SH	NT			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác (521,531,532)
							
HĐ 745	18/12/2011	Doanh thu bán xi măng cho cty CP Vĩnh Thủy	131	08 tấn	1.145.454,5	9.163.636		
HĐ746	18/12/2011	Doanh thu bán xi măng cho công ty TNHH Hồng Tuyển	131	07 tấn	1.145.454,5	8.018.182		
HĐ747	19/12/2011	Doanh thu bán xi măng cho cty TNHH Tuấn Loan	131	06 tấn	1.145.454,5	6.872.727		
HĐ748	22/12/2011	Doanh thu bán xi măng cho cty CP Daso	131	08 tấn	1.236.363,63	9.890.909		
			
		Cộng phát sinh		9630 tấn		14.754.483.784		

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)
Phạm Thế Hưng

+ Ý kiến 3: Về hạch toán kế toán giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

- Trong phần kế toán giá vốn hàng bán, Công ty nên mở sổ chi tiết giá vốn hàng bán (**biểu số 3.2**) như vậy sẽ giúp cho kế toán và Ban lãnh đạo công ty dễ dàng theo dõi giá vốn của từng loại hàng hóa, thành phẩm bán ra là bao nhiêu, số lượng, đơn giá...

- Trong phần kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp Công ty nên mở sổ chi phí sản xuất kinh doanh cho TK 641 (**Biểu số 3.3**), TK 642(**biểu số 3.4**) như vậy sẽ giúp cho kế toán và Ban lãnh đạo công ty dễ dàng theo dõi chi phí nhân viên bán hàng, chi phí khấu hao TSCĐ phục vụ cho bán hàng, chi phí hậu mãi, chi phí nhân viên quản lý, chi phí mua ngoài phục vụ cho văn phòng,...

Biểu số 3.2: Sổ chi tiết giá vốn hàng bán

Đơn vị: Cty cổ phần thương mại dịch vụ vận tải xi măng Hải Phòng

Địa chỉ: Số 290 đường Hà Nội – HB - HP



SỔ CHI TIẾT GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Tên hàng hóa: xi măng PCB 30HP

Quý IV năm 2011

Đơn vị : Đồng

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Giá vốn hàng bán		
SH	NT			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
					
PX1/12	01/12/2011	Xuất bán xi măng cho Tâm-Hòa Bình	156	08 tấn	1.136.364	9.090.912
					
PX197/12	18/12/2011	Xuất bán xi măng cho công ty TNHH Hồng Tuyển	156	07 tấn	997.352,5	6.981.467,5
					
PX199/12	22/12/2011	Xuất bán xi măng cho công ty cổ phần Daso	156	08 tấn	1.136.364	9.090.912
	
		Cộng phát sinh		9630 tấn		13.413.874.872

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)
Phạm Thế Hưng

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)
Vũ Xuân Bằng

Biểu số 3.3: Sổ chi phí sản xuất, kinh doanh

Đơn vị: Cty cổ phần thương mại dịch vụ vận tải xi măng
Hải Phòng
Địa chỉ: Số 290 đường Hà Nội – HB - HP

Mẫu số S36-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)



SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH

Tên TK: Chi phí bán hàng

Số hiệu TK: 641

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Tổng số tiền	Ghi nợ tài khoản chi phí bán hàng				
Số hiệu	Ngày tháng				Nhân công	Vật liệu	Dụng cụ	Khấu hao	Chi phí khác
		Số dư đầu kỳ							
.....			
PX 006	14/12	Lĩnh bảo hộ lao động quý 4/2011	153	8.164.000			8.164.000		
PC 060	26/12	Chi phí hội nghị khách hàng về việc triển khai, thực hiện kế hoạch bán hàng năm 2012	111	4.360.000					4.360.000
								
PK 059	31/12	Khấu hao TSCĐ tháng 12	214					8.999.538	
		Cộng phát sinh		506.545.195	267.108.327	18.152.000	8.164.000	26.998.614	186.122.254
		Số dư cuối kỳ							

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Phạm Thế Hưng

Biểu số 3.4: Sổ chi phí sản xuất, kinh doanh

Đơn vị: Cty cổ phần thương mại dịch vụ vận tải xi măng
Hải Phòng
Địa chỉ: Số 290 đường Hà Nội – HB - HP

Mẫu số S36-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)



SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH

Tên TK: Chi phí quản lý doanh nghiệp

Số hiệu TK: 642

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Tổng số tiền	Ghi nợ tài khoản chi phí bán hàng				
Số hiệu	Ngày tháng				Nhân công	Vật liệu	Dụng cụ	Khấu hao	Chi phí khác
		Số dư đầu kỳ							
.....			
PC002	02/12	Chi phí vệ sinh đô thị tháng 12	111	480.000					480.000
								
PC 007	06/12	Thanh toán phụ cấp trách nhiệm cho hội đồng quản trị	111	2.200.000					2.200.000
PK 060	31/12	Khấu hao TSCĐ tháng 12	214	8.249.977				8.249.977	
		Cộng phát sinh		1.056.878.769	520.321.153	17.523.000		24.749.931	494.284.685
		Số dư cuối kỳ							

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

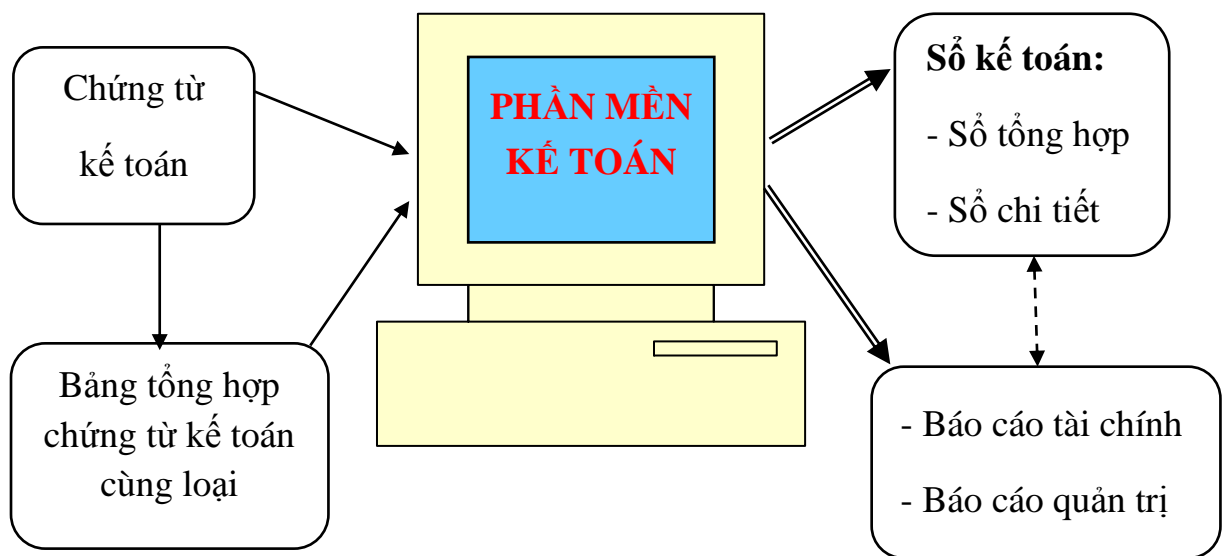
Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)
Phạm Thế Hưng

+ Ý kiến 4: Áp dụng phần mềm vi tính vào công tác hạch toán kế toán

Hiện nay để công tác kế toán được thuận lợi, nhanh chóng và dễ dàng hơn công ty nên áp dụng phần mềm máy tính vào công tác hạch toán kế toán.

Công ty đang áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán máy là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán phải được thiết kế theo nguyên tắc ghi sổ của hình thức “Nhật ký chung”.

Sơ đồ 3.1: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính



Ghi chú:

- ====> In sổ, báo cáo cuối tháng cuối năm
- ====> Nhập số liệu hàng ngày
- > Đối chiếu kiểm tra

1) Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài

khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng, biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán.

Theo quy trình của phần mềm kế toán, các thông tin được tự động nhập vào sổ kế toán tổng hợp (Sổ cái,) và các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

(2) Cuối tháng (hoặc bất kỳ vào thời điểm cần thiết nào), kế toán thực hiện các thao tác khoá sổ (cộng sổ) và lập báo cáo tài chính. Việc đối chiếu giữa số liệu

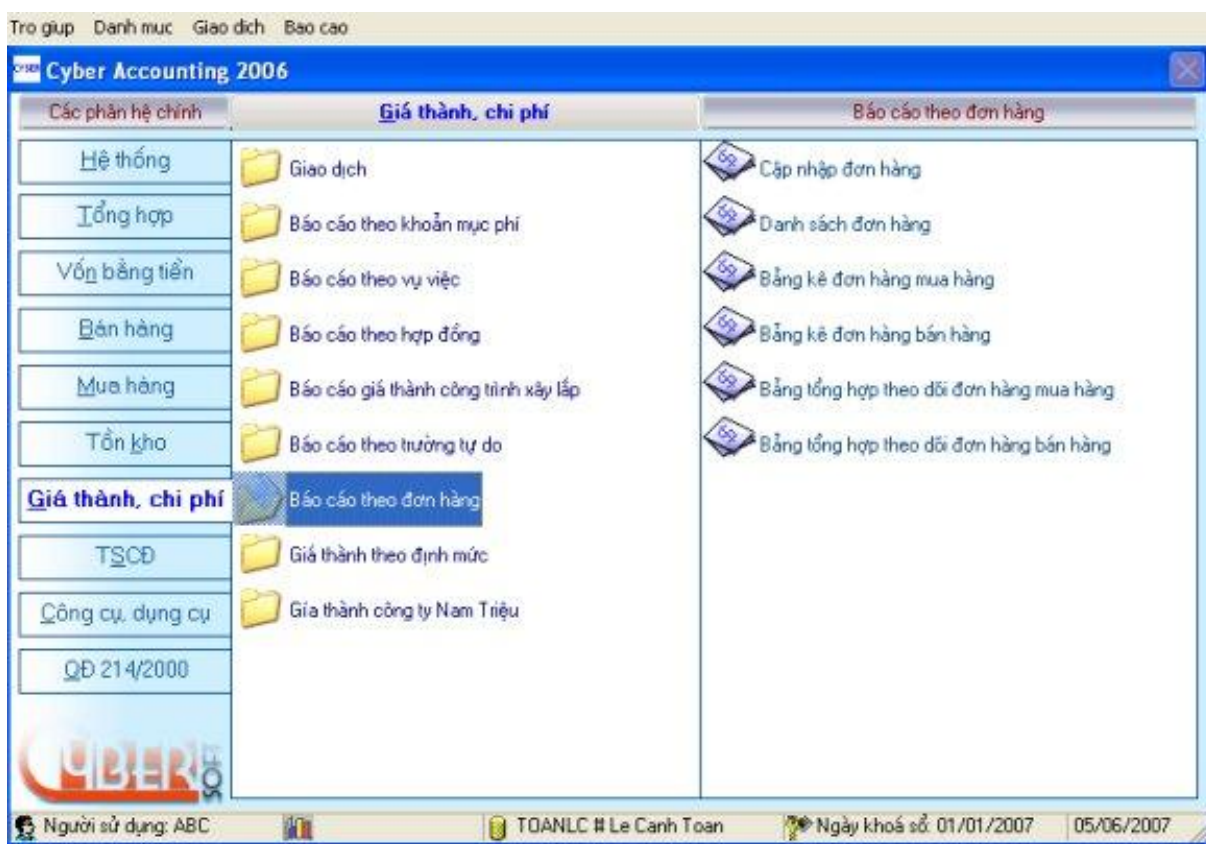
tổng hợp với số liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo tính chính xác, trung thực theo thông tin đã được nhập trong kỳ. Người làm kế toán có thể kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa sổ kế toán với báo cáo tài chính sau khi đã in ra giấy.

Thực hiện các thao tác để in báo cáo tài chính theo quy định.

Cuối tháng, cuối năm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết được in ra giấy, đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về sổ kế toán ghi bằng tay.

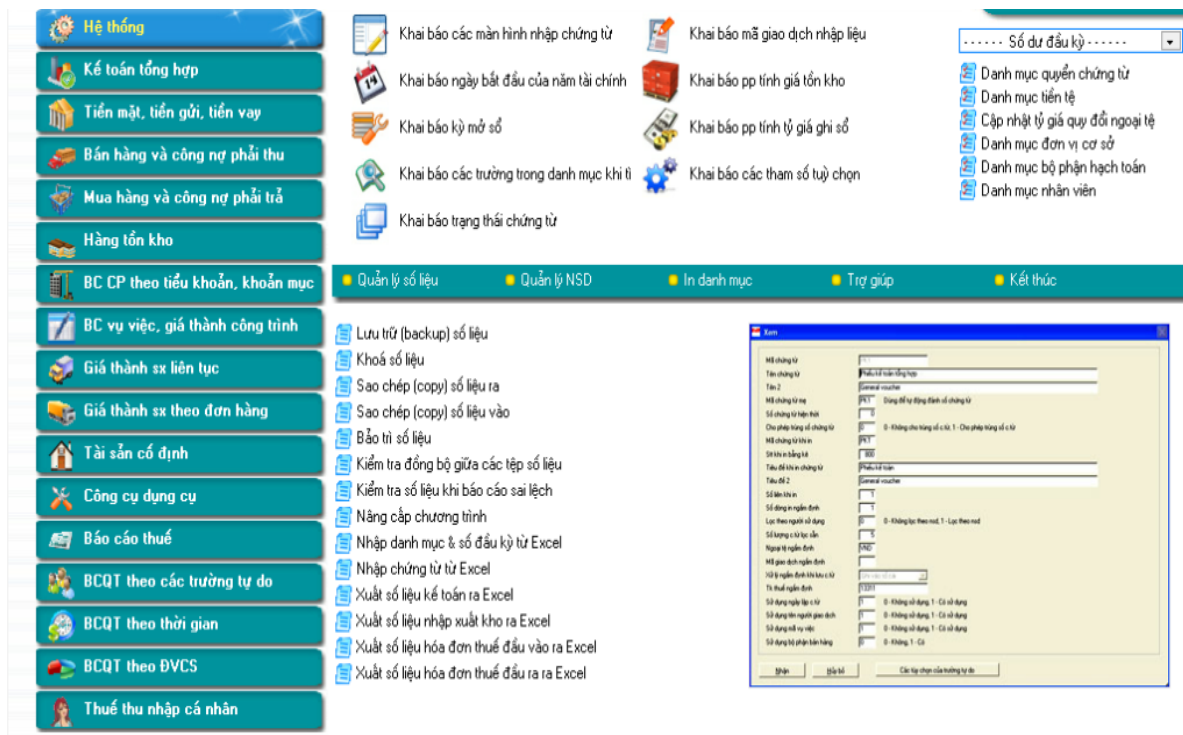
Một số phần mềm kế toán tham khảo

- Phần mềm kế toán Cyber Accounting: là sản phẩm được thiết kế và lập trình trên công nghệ hiện đại theo quy chuẩn của Bộ Tài chính. Với phần mềm này người sử dụng chỉ cần cập nhật số liệu đầu vào phát sinh theo hệ thống chứng từ, máy tính sẽ tự động tính toán và đưa ra các sổ sách báo cáo tài chính, báo cáo quản trị và các thông tin về hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.



-Phần mềm kế toán Fast accounting: Đây là phần mềm thiết kế đơn giản, dễ sử dụng và có thể vận dụng linh hoạt cho nhiều nhu cầu quản lý hạch toán khác

nhau.



+ Ý kiến 5: Hoàn thiện công tác kiểm tra kế toán nội bộ

Kiểm tra kế toán là một yêu cầu tất yếu của quản lý, nó bảo đảm rằng tất cả các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh được phản ánh đầy đủ, chính xác vào chứng từ, sổ sách kế toán. Trên cơ sở đó góp phần bảo vệ tài sản và nâng cao hiệu quả kinh doanh.

+ Hoàn thiện nội dung kiểm tra kế toán nội bộ :

- Về chứng từ kế toán : Kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, hợp lệ của doanh thu và chi phí . Theo đó, doanh thu phải được phản ánh đầy đủ trên các hoá đơn, chứng từ, chính xác theo từng nội dung nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản chi phí phát sinh đảm bảo tôn trọng đúng nguồn trang trải chi phí, tuân thủ các quy định đã ban hành về phân cấp quản lý tài chính của các bộ phận, các chi nhánh, các đơn vị trực thuộc. Trường phòng các bộ phận có chấp hành đúng, đầy đủ, nghiêm chỉnh hay vi phạm các quy định phân cấp, uỷ quyền, ra các quyết định vượt quá chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao trong quá trình tổ chức hoạt động kinh doanh. Bộ phận kế toán và các bộ phận kinh doanh định kỳ phải kiểm tra, đối chiếu số liệu và xác nhận công nợ với khách hàng để từ đó đôn đốc thu nợ kịp thời, tránh tình trạng bị chiếm dụng vốn.

- Về sổ sách, báo cáo kế toán :

Kiểm tra việc lập sổ sách, báo cáo định kỳ và thường xuyên kiểm tra các đơn vị trực thuộc về doanh thu và các khoản chi phí, công nợ phải thu, phải trả để có cơ sở đối chiếu kiểm tra và tổng hợp số liệu toàn công ty .

Nội dung kiểm tra kế toán nội bộ được xác định rõ ràng, nhằm phát hiện những tồn tại, yếu kém, những sai sót, vi phạm chính sách, chế độ của Nhà nước cũng như vi phạm các quy định phân cấp quản lý nội bộ của Công ty nhằm chấn chỉnh, sửa đổi cho phù hợp với tình hình thực tế Công ty. Hoàn thiện nội dung kiểm tra kế toán nội bộ tạo điều kiện thực hiện, kiểm tra kế toán đạt chất lượng và hiệu quả cao.

+ *Hoàn thiện bộ máy kiểm tra kế toán nội bộ :*

Với đặc thù các cơ sở trực thuộc của Công ty nằm rải rác trên khắp cả ba miền, để quản lý tài sản, tiền vốn của công ty được tốt hơn, Công ty nên thành lập một bộ phận kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị, kết hợp với Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra định kỳ và một số trường hợp nhất định. Khi đó việc kiểm tra, kiểm toán độc lập với phòng kế toán công ty, phòng kế toán công ty cũng là đối tượng kiểm tra, vì vậy công việc kiểm tra được thực hiện khách quan hơn.

KẾT LUẬN

Trong điều kiện hiện nay, kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là một nội dung rất quan trọng, bao trùm hầu hết công tác kế toán trong các doanh nghiệp kinh doanh nói chung và trong Công ty cổ phần thương mại dịch vụ vận tải Xi măng Hải phòng nói riêng. Việc xác định đầy đủ chi phí, doanh thu quyết định đến sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp. Thông tin kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cung cấp giúp các nhà quản trị doanh nghiệp đưa ra các quyết định kinh tế phù hợp nhằm nâng cao kết quả bán hàng nói riêng và kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp nói chung.

Quá trình thực tập tại Công ty cổ phần thương mại dịch vụ vận tải Xi măng Hải phòng, em nhận thấy tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh ở công ty thực hiện khá đầy đủ đảm bảo cung cấp thông tin theo yêu cầu quản trị doanh nghiệp. Tuy nhiên vẫn còn tồn tại một số điểm hạn chế nhất định. Vận dụng kiến thức đã được tiếp thu ở trường kết hợp với thực tế tại công ty em đã nêu nên một số nhận xét, ý kiến đề xuất với mong muốn đóng góp một phần vào việc hoàn thiện công tác kế toán của công ty và nâng cao hiệu quả của công tác quản lý.

Em xin chân thành cảm ơn cô giáo thạc sỹ **Lương Khánh Chi**, các thầy cô trong khoa Quản trị kinh doanh trường ĐHDL Hải Phòng và các anh chị trong phòng Tài chính kế toán tại công ty cổ phần thương mại và dịch vụ vận tải Xi măng Hải phòng, đã giúp đỡ, hướng dẫn em hoàn thành khóa luận này.

Sinh viên:

Phạm Thị Thùy Linh

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 1) Chế độ kế toán doanh nghiệp (quyển 1) – Hệ thống tài khoản kế toán – NXB tài chính.
- 2) Chế độ kế toán doanh nghiệp (quyển 2) – Báo cáo tài chính chứng từ và sổ kế toán, sơ đồ kế toán – NXB tài chính.
- 3) Kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ - PGS.TS Nguyễn Văn Công.
- 4) Hướng dẫn thực hành kế toán doanh nghiệp theo chế độ kế toán mới hiện hành – TS. Võ Văn Nhị.
- 5) Tài liệu, sổ sách kế toán do Công ty Cổ phần thương mại dịch vụ và vận tải xi măng Hải Phòng cung cấp.
- 6) Website: vtxmhp.com; hvtc.edu.vn/bmkt.
- 7) Quản trị tài chính doanh nghiệp – TS Võ Đăng Nam
- 8) Một số luận văn khóa trước

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU 1

CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG CÁC DOANH NGHIỆP 8

1.1 Những vấn đề chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh 8

1.1.1. Sự cần thiết của tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp 8

1.1.2. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh 8

1.1.3 Một số khái niệm cơ bản 9

1.2. Tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp..... 13

1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ..... 13

1.2.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.....12

1.2.3 Kế toán giá vốn hàng bán..... 20

1.2.4 Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.....19

1.2.5 Kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính..... 31

1.2.6 Kế toán thu nhập khác và chi phí khác 34

1.2.7. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp..... 37

1.2.8 Kế toán xác định kết quả kinh doanh 39

1.3. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp 41

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VẬN TẢI XI MĂNG HẢI PHÒNG..... 44

2.1. Khái quát chung về công ty cổ phần thương mại dịch vụ vận tải xi măng Hải Phòng..... 44

2.1.1 Giới thiệu về công ty 44

2.1.2 Ngành nghề kinh doanh của công ty 47

2.1.3 Điều kiện cơ sở vật chất kỹ thuật, lao động 47

2.1.4 Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của công ty 49

2.1.5. Vị thế của công ty.....	51
2.1.6. Cơ cấu tổ chức kế toán tại công ty	52
2.2. Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần thương mại dịch vụ vận tải xi măng Hải Phòng.....	55
2.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	55
2.2.2 Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.....	63
2.2.3. Kế toán giá vốn hàng bán.....	63
2.2.4. Kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.....	70
2.2.5. Kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính	80
2.2.6. Kế toán thu nhập khác, chi phí khác	86
2.2.7. Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần thương mại dịch vụ vận tải xi măng Hải Phòng	87
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ Ý KIẾN HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VẬN TẢI XI MĂNG HẢI PHÒNG.....	98
3.1 Những nhận xét, đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần thương mại dịch vụ vận tải xi măng Hải Phòng.	98
3.1.1. Ưu điểm.....	98
3.1.2. Những hạn chế:	99
3.2 Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần thương mại dịch vụ vận tải xi măng Hải Phòng	100
3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty	100
3.2.2 Các nguyên tắc cơ bản của việc hoàn thiện :	101
3.2.3 Một số ý kiến góp phần hoàn thiện công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty	101
KẾT LUẬN	112
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	113

